

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2900687702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 26 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/12/2010)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số: . . . /QĐ - SGDHN do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng . . . năm 2014)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Tổ chức đăng ký giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Địa chỉ trụ sở chính: Khối 8, Thị trấn Kim Sơn, Huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383 885 709

Fax: 0383 885 215

Website: www.thuydienquephong.com.vn.

Email: thuydienquephong@yahoo.com.vn

Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 4, tòa nhà Hà Thành Plaza – 102 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35148766

Fax: (84-4) 35148768

Website: www.vics.vn.

Email: info@vics.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Ông Đoàn Kim Đồng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 0383 885 709



Tổ chức đăng ký giao dịch:
CTCP Thủy điện Quế Phong



Tổ chức tư vấn
P CK Thương mại & Công Nghiệp Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2900687702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 26 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/12/2010)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng đăng ký giao dịch: 18.583.100 cổ phần

Tổng giá trị đăng ký giao dịch (theo mệnh giá): 185.831.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm tỷ, tám trăm ba mươi một triệu đồng)

Tổ chức Kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa – Nhân Chính – Q. Cầu Giấy – TP. Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 222 12 891

Fax: (84-4) 222 12 892

Website: www.ifcvietnam.com.vn.

Email:

ifc@ifcvietnam.com.vn.

Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 02 Bis Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 4, tòa nhà Hà Thành Plaza – 102 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: (84-8) 39110788

Fax : (84-8) 39110789

Website: www.vics.vn.

Email: info@vics.com.vn

MỤC LỤC



I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	RỦI RO KINH TẾ	5
2.	RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	8
3.	RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ BÁN ĐIỆN	9
4.	RỦI RO ĐẶC THÙ	10
5.	RỦI RO KHÁC	10
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
1.	TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH:	10
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN:	11
III.	CÁC KHÁI NIỆM	12
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	13
1.	TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	13
2.	CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	16
3.	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ	21
4.	DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC	22
5.	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	22
6.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	29
	6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm gần đây	29
	6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013	33
7.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH	34
8.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	37
9.	CHÍNH SÁCH CHIA CỐ TỨC	40
10.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	40
11.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC	47
	11.1. Thành viên Hội đồng quản trị	47
	11.2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc	56



11.3. Thành viên Ban kiểm soát.....	59
11.4. Phó phòng kế toán (Phụ trách phòng kế toán).....	64
12. TÀI SẢN.....	66
13. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO.....	66
13.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	66
(Nguồn : Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong).....	67
13.2. Định hướng phát triển.....	67
13.3. Căn cứ để thực hiện kế hoạch.....	68
14. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH DOANH THU, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	68
15. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY.....	69
16. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN.....	69
V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	69
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐKGD.....	72
VII. PHỤ LỤC.....	73

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

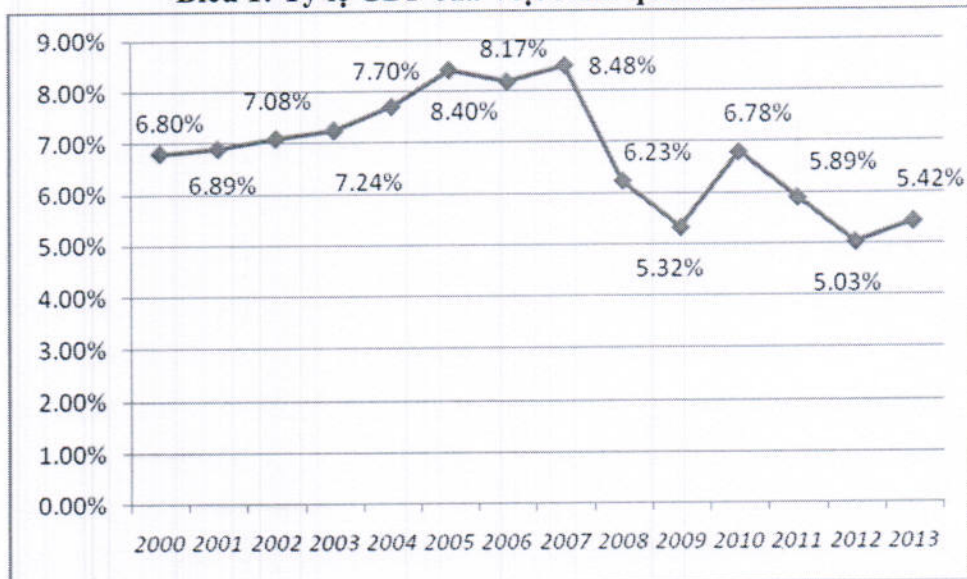
1. RỦI RO KINH TẾ

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ... Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển hay tụt hậu về kinh tế Việt Nam ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, công nghiệp, các công trình đầu tư hạ tầng cơ sở, mở rộng nhà máy trong đất nước và kéo theo là nhu cầu sử dụng điện năng phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Biểu 1: Tỷ lệ GDP của Việt Nam qua các năm



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Năm 2012, nền kinh tế Việt Nam trải qua một năm với nhiều biến động mà đỉnh điểm là tình trạng nợ xấu bùng phát tại ngân hàng thương mại, ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh tế. GDP năm 2012 đạt 5,03% và giảm 0,86% so với năm 2011.

Bước sang năm 2013, với những nỗ lực trong việc duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, ưu tiên kiềm chế lạm phát của Chính phủ đã đem lại cho nền kinh tế Việt Nam những kết quả tích cực: (i) Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012, tuy thấp hơn mục tiêu đề ra là tăng 5,5%, nhưng cao hơn mức tăng của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi. Nhìn chung, nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn bởi dòng vốn tín dụng chưa được hấp thụ tốt, cầu tiêu dùng trong nước còn yếu khiến sản xuất khó tăng trưởng mạnh. Bên cạnh đó tăng trưởng GDP trong giai đoạn hiện nay đang phụ thuộc khá nhiều vào nhân tố xuất khẩu (cầu bên ngoài) là yếu tố còn nhiều bất định, chứa đựng những rủi ro khó lường đối với tính bền vững của tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới; (ii) Lạm phát được kiểm soát trong một thời gian khá dài, xu hướng lạm phát dài hạn đang giảm dần và ổn định quanh mức 7% là những tín hiệu tích cực tạo nền tảng cho sự ổn định lạm phát cho trung hạn.

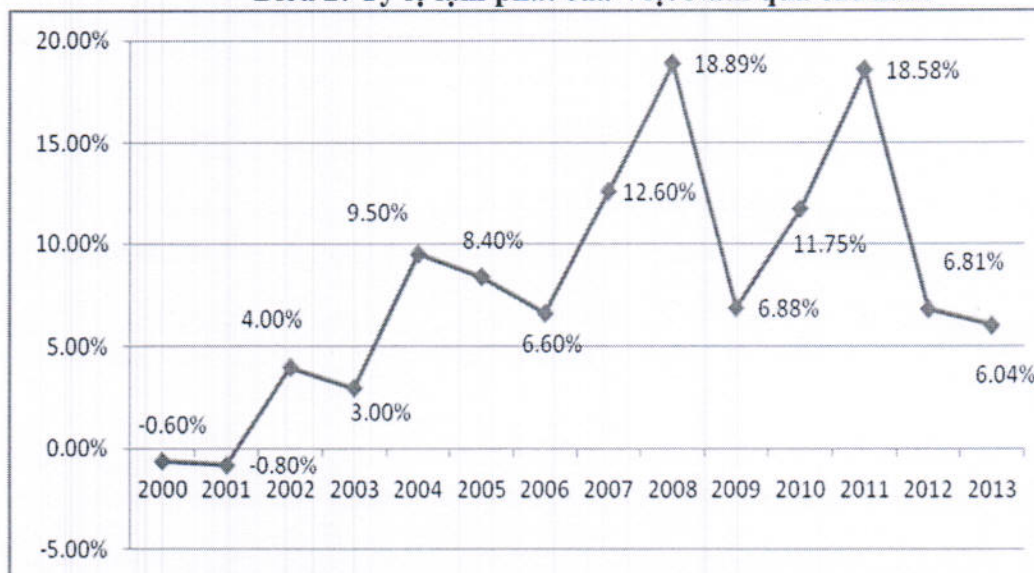
Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ trong thời gian tới sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện nói riêng. Hơn nữa, thị trường sản xuất điện năng ở Việt Nam hiện nay đang tăng trưởng với đặc điểm sức cầu luôn vượt sức cung. Nhu cầu về điện tăng ở mức 15-16%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ sản xuất điện trong nước. Do vậy, khi khủng hoảng kinh tế qua đi, đầu tư xây dựng cơ bản là lĩnh vực tăng trưởng nhanh và mạnh nhất, là đầu tàu kéo toàn bộ nền kinh tế phát triển, cộng với sự thiếu hụt nguồn cung cấp điện năng cho toàn bộ nền kinh tế, thì những yếu tố này sẽ trở thành động lực phát triển nhanh mạnh cho Công ty trong tương lai.

Để đảm bảo tính bền vững trong hoạt động, ban lãnh đạo công ty luôn bám sát với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế để xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn phù hợp với từng thời kỳ phát triển.

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2000 – 2013 cụ thể như sau:

Biểu 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Năm 2012 và năm 2013, Việt Nam đã hoàn thành tốt mục tiêu kiềm chế lạm phát, CPI cả năm 2012 thấp hơn mức chỉ tiêu kế hoạch 7% mà Quốc hội đề ra, CPI cả năm 2013 là 6,04% - đây là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Hơn nữa, năm 2013, tỷ lệ lạm phát ổn định hơn so với nhiều năm trở lại đây, biểu hiện qua mức độ phân tán của tốc độ tăng CPI so với giá trị trung bình đạt mức khá ổn định trong các tháng của năm, thấp hơn nhiều so với năm 2012. Tuy nhiên, lạm phát năm 2012 và năm 2013 thấp không phải vì năng suất, chất lượng, hiệu quả tăng mà do sức mua suy kiệt và để kiềm chế lạm phát Nhà nước đã áp dụng các biện pháp kiềm chế lạm phát như đầu tư công thắt chặt và thắt chặt tiền tệ, điều chỉnh giá hàng hóa cơ bản và dịch vụ công (y tế, giáo dục). Do đó, trong các năm tiếp theo nếu đầu tư công nới lỏng và đến thời điểm nào đó bất động sản tan băng thì ngay lập tức lạm phát lại có thể nóng lên.

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Để quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh, ban lãnh đạo Công ty cũng theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới để xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển phù hợp, hạn chế bớt những ảnh hưởng tiêu cực từ các yếu tố vĩ mô.

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng có nguồn vốn đủ lớn để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh mà phần lớn phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó có một kênh phổ biến đó là vay vốn và chịu lãi suất sử dụng vốn. Chính vì vậy, nên chỉ cần một sự thay đổi của lãi suất sẽ kéo theo hiệu ứng tổng thể, khi lãi suất tăng cao ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của các cá nhân, chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp, gia tăng chi phí cho các doanh nghiệp, làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, doanh thu và lợi nhuận giảm.

Năm 2013 lãi suất đã có xu hướng giảm, lãi suất thị trường liên ngân hàng duy trì ở mức thấp (3% - 4%/năm), thậm chí ở thời điểm tháng 06/2013 rơi xuống dưới 1%/năm, lãi suất cho vay hiện đã giảm về mức thấp nhất trong gần chục năm qua. Dự báo trong năm 2014 lãi suất có thể biến động nhưng không lớn, dự tính trong khoảng 8% - 10%/năm. Lãi suất cho vay theo đó sẽ duy trì ở mức thấp. Do vậy, rủi ro lãi suất được dự báo sẽ không quá lớn, thậm chí sự ổn định tương đối có thể kéo dài trong năm 2014 - 2015.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hiện tại Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã là công ty đại chúng nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty đại chúng.

Tính đến thời điểm hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam đã ra đời và đi vào hoạt động được hơn 10 năm. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường còn non trẻ và có những đặc thù riêng biệt so với các thị trường chứng khoán tại các quốc gia phát triển cũng như mới nổi khác. Chính vì vậy, hệ thống pháp luật vận hành thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đang tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện không ngừng. Tất yếu trong quá trình xây dựng và phát triển, hệ thống pháp luật nêu trên không khỏi có những điểm còn nhiều bất hợp lý và thiếu sót, nhiều lúc gây ra những bất tiện và lúng túng cho các đối tượng

chịu sự điều chỉnh của nó.

Tuy nhiên, nhìn theo chiều ngược lại thì so với ngày đầu thành lập, các cơ quan xây dựng, ban hành pháp luật cũng đã có nhiều nỗ lực và hệ thống pháp luật áp dụng cho doanh nghiệp nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng cũng đã có nhiều thay đổi, tiến bộ, ngày càng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các chủ thể tham gia thị trường.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

3. RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ BÁN ĐIỆN

Trong thị trường phát điện cạnh tranh, Bộ Công Thương yêu cầu tất cả các nhà máy điện có công suất từ 30 MW trở lên, đầu nối vào lưới điện truyền tải điện, trừ các nhà máy BOT, sẽ phải tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Các đơn vị phát điện này sẽ phải chào giá trong giới hạn giá trần và giá sàn.

Giá trần thị trường do Cục Điều tiết Điện lực phê duyệt hàng năm. Trong năm đầu tiên vận hành thị trường này, giá trần thị trường sẽ phải đảm bảo giá phát điện bình quân năm không vượt quá 5% so với giá phát điện bình quân của năm liền trước. Đồng thời, chỉ các tổ máy phát điện sử dụng nhiên liệu nội địa được xem xét trong tính toán giá trần thị trường.

Giá trần phải phù hợp với chi phí sản xuất điện năng của các công nghệ phát điện khác nhau. Giới hạn các bản chào giá sàn hay trần của các tổ máy thủy điện được xác định theo giá trị nước hàng tuần. Giá trần của nhà máy thủy điện bằng 110% giá trị nước của nhà máy tính toán hàng tuần, giá sàn của nhà máy thủy điện là 90% giá trị nước.

Theo Quyết định 26 của Thủ tướng, thị trường điện cạnh tranh chia làm 3 cấp độ, trong đó, cấp độ 1 là phát điện cạnh tranh hành thành từ năm 2005 - 2014, cấp độ 2 là thị trường bán buôn điện cạnh tranh từ năm 2014 - 2022 và cấp độ 3 là thị trường bán lẻ điện cạnh tranh từ sau năm 2022.

Việc vận hành thị trường phát điện cạnh tranh đã được thực hiện một năm nay, nhưng về cơ bản, thị trường vẫn độc quyền, chưa hướng tới thị trường thực sự. Mục tiêu đến năm 2014 hoàn thành thị trường phát điện cạnh tranh và chuyển sang thị trường bán buôn cạnh tranh là khó hoàn thành khi nhiệm vụ trong giai đoạn đầu vẫn thực hiện một cách quá hình thức.

Trong năm 2012, đã có hai đợt tăng giá điện, từ 01/07/2012 giá điện tăng 4,98% so với giá bình quân thực hiện năm 2011, đưa giá điện bình quân từ mức 1.304 đồng/kWh lên mức



1.369 đồng/kWh. Từ 22/12/2012, giá bán điện tăng thêm 5%, đưa giá điện bình quân từ mức 1.369 đồng/kWh lên 1.437 đồng/kWh.

Từ 01/08/2013, giá điện tăng 5%, nâng giá bán lẻ điện bình quân lên mức 1.508,85 đồng/kWh. Việc tăng giá bán điện của EVN có thể dẫn tới ảnh hưởng có lợi tới giá bán điện của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong.

4. RỦI RO ĐẶC THÙ

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Thủy điện Quế Phong. Sản lượng và hiệu quả của các nhà máy thủy điện của Công ty sẽ phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

5. RỦI RO KHÁC

Do tính chất hoạt động kinh doanh, Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, biến động tỷ giá...

Ngoài ra, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến CTCP Thủy Điện Quế Phong như các hiện tượng chiến tranh hay bão lũ...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Ông Nguyễn Minh Cường	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Kim Đồng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thúy	Chức vụ: Phụ trách phòng kế toán
Ông Lê Minh Hùng	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.



2. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Ông **Lê Thái Hưng**

Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc.**

(Theo Ủy quyền số 255B/UQ – VICS ngày 01 tháng 09 năm 2013 của Tổng Giám đốc)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do CTCP Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam (VICS) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với CTCP Thủy Điện Quế Phong.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Thủy Điện Quế Phong cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

- ❖ SGDCCKHN: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- ❖ Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam (VICS)
- ❖ Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Quốc tế
- ❖ Công ty: Công ty Cổ phần Thủy Điện Quế Phong (CHP)
- ❖ Cổ phiếu: cổ phiếu do Công ty Cổ phần Thủy Điện Quế Phong phát hành
- ❖ HĐQT: Hội đồng quản trị
- ❖ BGD: Ban Giám Đốc
- ❖ ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ❖ BKS: Ban kiểm soát
- ❖ CBCNV: Cán bộ - công nhân viên
- ❖ VNĐ: Đồng Việt Nam
- ❖ kWh: kilowatt – giờ, đơn vị năng lượng tương đương 3.600.00 Jun (J).
- ❖ MWh: Megawatt – giờ, đơn vị năng lượng tương đương 10^3 kWh.
- ❖ GWh: Gigawatt – giờ, đơn vị năng lượng tương đương 10^6 kWh.
- ❖ KW: Kilowatt, đơn vị công suất.
- ❖ MW: Megawatt, đơn vị công suất tương đương 10^3 KW.
- ❖ GW: Gigawatt, đơn vị công suất tương đương 10^3 KW.
- ❖ KV: kilovolt, đơn vị hiệu điện thế tương đương 10^3 volt.



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

a. Tên, địa chỉ của tổ chức phát hành:

- Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Thủy Điện Quế Phong
- Tên tiếng Anh: Que Phong Hydropower Joint Stock Company
- Tên viết tắt: QPH
- Trụ sở: Văn phòng UBND huyện Quế Phong, khối 8, Thị trấn Kim Sơn, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: 038 388 5709 - Fax: 038 3885215
- Mã số thuế: 2900687702
- Website: <http://www.thuydienquephong.com.vn>
- Vốn điều lệ đăng ký: 445.000.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp: 185.831.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm tỷ tám trăm ba mươi một triệu đồng)

- Logo:

- Giấy đăng ký kinh doanh số: 2900687702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/07/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/12/2010
- Số tài khoản: 3614 201 0000 47 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Quế Phong – tỉnh Nghệ An

b. Ngành nghề kinh doanh chính:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900687702 ngày 17/12/2010, đăng ký lần đầu ngày 26/07/2005 do Sở Kế hoạch-Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Sản xuất và kinh doanh điện năng);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 KV;

- Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện;
- Đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành;
- Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

c. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong được thành lập ngày 26/7/2005 với số vốn Điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng, tiền thân là Ban quản lý Dự án Thủy điện Bản Cốc thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội.

Cụm Nhà máy Thủy điện Quế Phong gồm 5 công trình chính là Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Nhà máy thủy điện Sao Va, Nhà máy thủy điện Nhạn Hạc, tuyến đường dây 35/110KV nối từ các nhà máy thủy điện về lưới điện Quốc gia và Trạm biến áp công suất 100MW, do Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gồm các cổ đông chính như TCT Xây dựng Hà Nội, Công ty Tài chính Bưu Điện, Công ty CP Lắp máy Điện nước, Công ty CP Xây dựng Lũng Lô 2, BIDV) làm chủ đầu tư. Dự án hoạt động theo hình thức BOO (Build – Owner – Operation/ Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh). Ngay sau khi được các cấp có thẩm quyền chấp thuận đầu tư, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội đã phát lệnh khởi công xây dựng cụm Thủy điện Quế Phong.

Khởi công vào cuối năm 2005, Nhà máy Thủy điện Bản Cốc thuộc địa phận xã Châu Kim, huyện Quế Phong, Nghệ An được 4 nhà thầu chính là Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội), Tổng Công ty lắp máy Công Nghiệp Việt Nam; Công ty Xây dựng Lũng Lô (Bộ Quốc Phòng) đảm nhiệm thi công, Công ty CMEC (Trung Quốc) cung cấp, lắp đặt thiết bị. Nhà máy Thủy điện Bản Cốc có tổng mức đầu tư là 427,5 tỷ đồng.

Đến cuối năm 2007, một số hạng mục thi công đã hoàn thành đạt chỉ tiêu đặt ra, tại hạng mục cụm đầu mối đã thực hiện xong 100% khối lượng công việc.

Đến cuối năm 2008, hoàn thành tuyến năng lượng, đào đường hầm ở Nhà máy Bản Cốc dài 3.100 m, ở Nhà máy Thủy điện Sao Va dài 450 m. Hạng mục Nhà máy và kênh xả đã thực hiện đào đắp gần 1 triệu m³ đất đá, hàng chục ngàn m³ bê tông cốt thép để xây dựng kết cấu công trình. Đã lắp đặt gần 3000 tấn thiết bị cho 3/3 tổ máy Nhà máy Thủy điện Bản Cốc; 3/3 tổ máy Nhà máy Thủy điện Sao Va và trạm biến áp Trùng Bành. Tuyến đường dây 35/110 kV đã hoàn thành 80 km đường dây mạch kép nối từ Nhà máy Bản Cốc; Nhà máy Sao Va đến Quý Hợp để đưa điện lên lưới điện Quốc Gia.



Cùng một lúc thi công cả 5 công trình trong đó ưu tiên xây dựng những công trình đáp ứng tiến độ phát điện sớm nhất, bằng sự nỗ lực thi công của CBCNV các đơn vị xây lắp và kinh nghiệm quản lý điều hành của Công ty, các hạng mục công trình của Nhà máy thủy điện Bản Cốc; Nhà máy Thủy điện Sao Va, tuyến đường dây 35/110 kV Quế Phong – Quỳnh Hợp và Trạm biến áp 35/110 kV Trông Bành đều đã được hoàn thành. Riêng Nhà máy Thủy điện Nhận Hạc đã hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế, kỹ thuật, xây dựng hoàn thành cơ bản đường nội bộ và các công trình phục vụ thi công.

Ngày 12/7/2009, hội đồng nghiệm thu cùng các bên liên quan quyết định tiến hành phát điện thử nghiệm từ Nhà máy Thủy điện Bản Cốc lên lưới điện Quốc gia, đến 02/8/2009, Nhà máy Thủy điện Bản Cốc đã chính thức phát điện thương mại.

Ngày 11/09/2009, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã tổ chức Lễ Khánh thành cụm Nhà máy Thủy điện Quế Phong tại Nhà máy Thủy điện Bản Cốc, xã Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đây là công trình thủy điện phát điện thương mại đầu tiên của Nghệ An.

Tháng 12/2009, Công ty cũng đã hoàn tất quá trình đầu tư xây dựng và bắt đầu đưa vào vận hành phát điện Nhà máy Thủy điện Sao Va.

Tháng 7/2010, khởi công xây dựng Nhà máy Thủy điện nhận Hạc, đến nay đã hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế, kỹ thuật, xây dựng; hoàn thành cơ bản đường nội bộ và các công trình phục vụ thi công. Tuy nhiên, đến nay Dự án Nhận Hạc vẫn không thể tiếp tục triển khai do không thể huy động được vốn đầu tư từ các cổ đông và các Tổ chức tài chính.

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900687702 cấp lần đầu ngày 26/7/2005, vốn điều lệ đăng ký của công ty là 100 tỷ đồng; theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất (lần 2) ngày 17/12/2010 là 445 tỷ. Hiện tại, vốn điều lệ thực góp của công ty là 185.831.000.000 đồng. Ngày 03/06/2011, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện trở thành Công ty đại chúng.

Toàn bộ quá trình tăng vốn của Công ty:

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
25/09/2008 - 20/09/2009	100.000	150.000	Phát hành riêng lẻ cho 64 cổ đông (cho cổ đông hiện hữu và cổ đông khác)	Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 07 năm 2008

31/12/2009 đến 30/11/2010	150.000	187.331 (*)	Phát hành riêng lẻ cho 65 cổ đông (cổ đông hiện hữu và 01 cổ đông khác)	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 04 năm 2010
11/10/2011	187.331	191.831(**)	Phát hành tiếp số cổ phần chưa bán hết cho Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng Điện nước (450.000 cổ phần)	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 04 năm 2010
Hiện tại		185.831 (***)	Điều chỉnh giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu do Công ty hạch toán nhầm 6 tỷ đồng khoản vay của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội vào khoản vốn góp đầu tư của chủ sở hữu	

***Ghi chú:**

(*) Ngày 29 tháng 04 năm 2010, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 đã thông qua phương án tăng vốn Điều lệ từ 150 tỷ lên 445 tỷ.

- Phương thức phát hành: Phát hành 100% cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ góp vốn của các cổ đông tại thời điểm hiện tại.

(*) Đến ngày 30 tháng 11 năm 2010, sau khi kết thúc đợt phát hành tăng vốn trong năm 2010, số vốn thực góp của các cổ đông tăng thêm 37.331 triệu đồng, tăng vốn điều lệ thực góp của Công ty từ 150 tỷ lên 187,331 tỷ đồng (theo ghi nhận của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong).

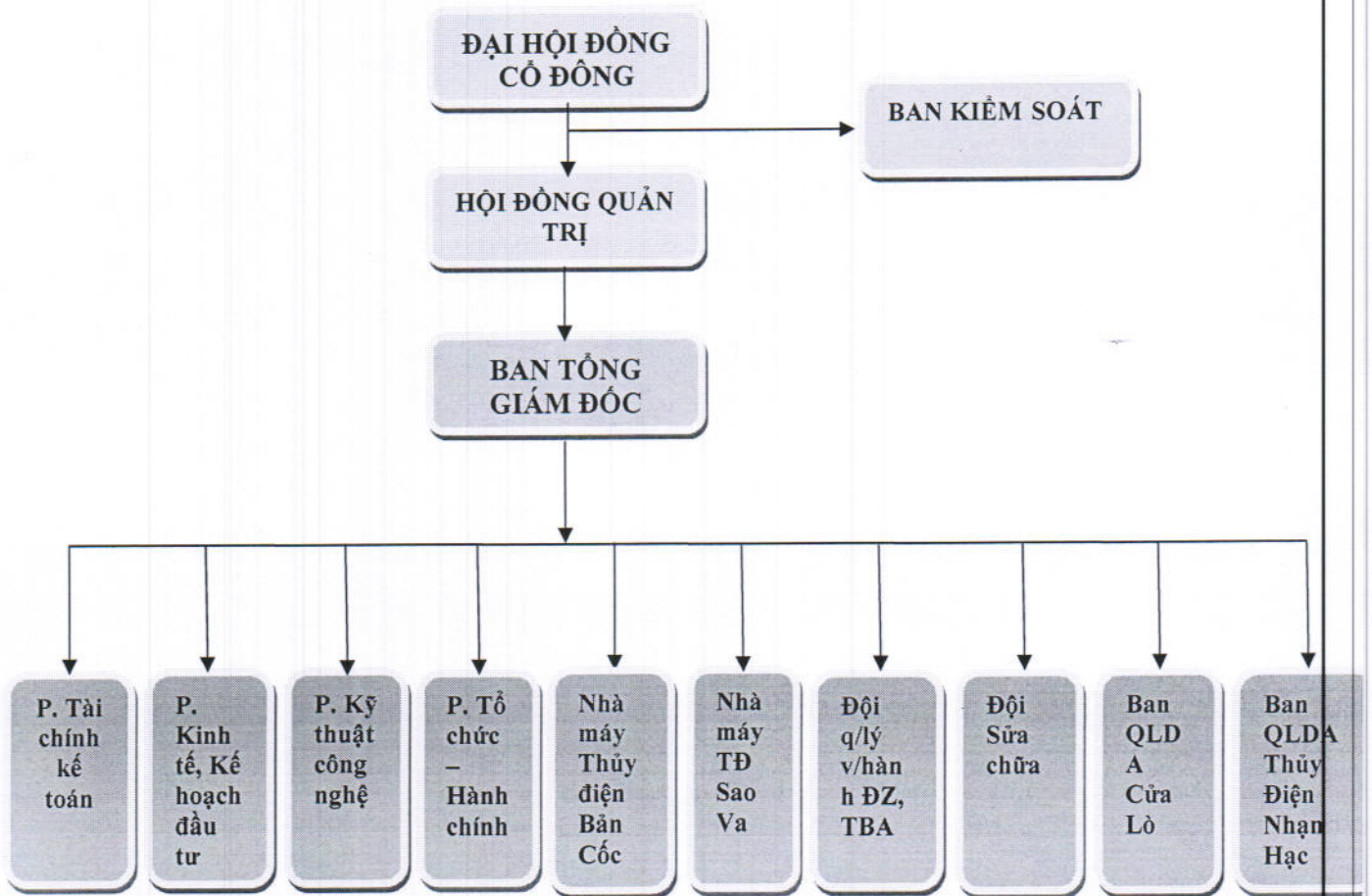
(**) Ngày 11/10/2011, Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng Điện nước đã góp thêm 4.500.000.000 đồng, tăng vốn điều lệ thực góp của Công ty từ 187,331 tỷ đồng lên 191,831 tỷ đồng.

(***) Vốn điều lệ thực góp của các cổ đông tính đến thời điểm 31/12/2010 thực chất là 181,331 tỷ đồng, nhưng Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong lại ghi nhận là 187,331 tỷ đồng là do Công ty đã ghi nhận 6 tỷ tiền vay của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội thành vốn góp của cổ đông.

⇒ Trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu do Công ty ghi nhận nhầm khoản vốn vay thành khoản vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Vốn điều lệ thực góp của các cổ đông tại thời điểm hiện tại: 185,831 tỷ đồng.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

a. Sơ đồ



b. Diễn giải sơ đồ

Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị; bầu và bãi miễn Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại và giải thể Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT):



Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty là 05 năm và thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty là 07 thành viên, bao gồm chủ tịch và các thành viên khác:

Ông Nguyễn Minh Cương	- Chủ tịch HĐQT
Ông Thái Phong Nhã	- Phó Chủ tịch HĐQT
Ông: Đoàn Kim Đồng	- Ủy viên
Ông: Nguyễn Xuân Nghiêm	- Ủy viên
Ông: Bùi Lê Quang	- Ủy viên
Ông: Ngô Thành Phước	- Ủy viên
Ông: Tăng Văn Chúc	- Ủy viên

Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát Công ty có 04 thành viên. Bao gồm:

Ông: Lê Minh Hùng	- Trưởng ban kiểm soát
Ông: Hoàng Duyên	- Ủy viên
Ông: Nguyễn Bá Tiến	- Ủy viên
Bà : Nguyễn Thị Bích	- Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng ban nghiệp vụ là



người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Ban Tổng giám đốc bao gồm:

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| Ông: Đoàn Kim Đồng | - Tổng Giám đốc |
| Ông: Nguyễn Xuân Nghiêm | - Phó Tổng Giám đốc |
| Ông: Bùi Văn Trung | - Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Bất Hùng | - Phó Tổng Giám đốc |

Phụ trách phòng kế toán:

- Bà Trần Thị Thúy - Phó phòng kế toán

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CÁC KHỐI, PHÒNG BAN

Phòng Tài chính – Kế toán:

Xây dựng kế hoạch và theo dõi quản lý tình hình sử dụng nguồn vốn của Công ty; tham mưu, đề xuất các biện pháp phát triển nguồn vốn, sử dụng nguồn vốn của Công ty; lập và phân tích báo cáo tài chính định kỳ quý và năm để phục vụ cho công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tổ chức điều hành bộ máy kế toán, xây dựng các thủ tục hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán, quy trình luân chuyển chứng từ phục vụ cho công tác kế toán, thống kê của Công ty; lập kế hoạch kiểm toán định kỳ hàng năm trình Tổng Giám đốc phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán đó; đánh giá mức độ tin cậy và tính toàn diện của các thông tin tài chính; thông qua công tác kiểm toán nội bộ, tham mưu cho Tổng Giám đốc về việc kiểm soát hiệu quả chi phí đối với các hoạt động.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch – Đầu tư:

Phòng Kinh tế Kế hoạch Đầu tư là phòng chức năng tham mưu giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Công tác Kinh tế.
- Công tác Hợp đồng kinh tế.
- Công tác tiếp thị, đấu thầu.
- Công tác hạch toán sản xuất kinh doanh.
- Công tác quản lý kế hoạch và báo cáo thống kê.
- Công tác đấu thầu, giao thầu của Công ty.
- Công tác pháp chế.



- Xây dựng và quản lý công tác kế hoạch.
- Quản lý công tác đầu tư.

Phòng Kỹ thuật – Công Nghệ:

Phòng Kỹ thuật Công nghệ là phòng chức năng quản lý các lĩnh vực các lĩnh vực:

- Tiến độ thi công công trình.
- Chất lượng công trình xây dựng.
- Quản lý, kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.
- Quản lý vật tư thiết bị máy móc của các Nhà máy và Công ty.

Phòng Tổ chức - Hành chính:

Tổ chức nhân sự, Thực hiện việc nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu phát triển; đề xuất các chế độ, chính sách về nhân sự; văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu, đánh máy; quản lý mua sắm tài sản trang thiết bị khối văn phòng; công tác bảo vệ, an toàn, phòng chống cháy nổ; vệ sinh, y tế...và các nhiệm vụ khác về các thủ tục hành chính – tổ chức nhân sự của Công ty.

Nhà máy thủy điện Bản Cốc:

Nhà máy thủy điện Bản Cốc công suất lắp máy 45MW có nhiệm vụ sản xuất điện năng với điện lượng trung bình 75,47 triệu kWh/năm.

Nhà máy thủy điện Sao Va:

Nhà máy thủy điện Bản Cốc công suất lắp máy 3MW có nhiệm vụ sản xuất điện năng với điện lượng trung bình 13,45 triệu kWh/năm.

Đội quản lý vận hành Đường dây và Trạm:

Có nhiệm vụ quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp 110kV Truong Bành, tuyến đường dây 35/110kV Quế Phong – Quỳnh Hợp.

Đội Sửa chữa:

Có nhiệm vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị các Nhà máy thủy điện và các trạm biến áp 35kV, trạm biến áp 110kV Truong Bành.

Ban Quản lý dự án Cửa Lò:

Quản lý đầu tư xây dựng dự án Khu du lịch dịch vụ (điều dưỡng) tại thị xã Cửa Lò.

Ban Quản lý dự án thủy điện Nhạn Hạc:

Quản lý đầu tư xây dựng dự án thủy điện Nhạn Hạc.



3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẴM GIỮ

a. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty (tính đến ngày 22/02/2014)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	57 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0106000907	8.183.707	81.837.070	44,04
2	Thái Thị Ý	Tổ 34 Cụm 5, P. Phú Thượng, Q. Tây Hồ, Hà Nội	012903398	1.590.000	15.900.000	8,56
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô II	Số 288, đường Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, Hà Nội	0103006868	1.700.000	17.000.000	9,14
4	Thái Phong Nhã	Khu Đô Thị Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	013188479	2.989.673	29.896.730	16,09
	Tổng cộng			14.463.380	144.633.800	77,83

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong)

b. Danh sách cổ đông sáng lập



Căn cứ theo Khoản 5 Điều 84 của Luật doanh nghiệp quy định: “Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ”. Hiện nay, các hạn chế chuyển nhượng của Cổ đông sáng lập trong Công ty đã hết hiệu lực

c. Cơ cấu cổ đông công ty tại thời điểm 22/02/2014

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	423	18.583.100	185.831.000.000	100%
	Cá nhân	421	7.193.393	71.933.930.000	38,71%
	Tổ chức	04	11.389.707	113.897.070.000	61,29%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0	0
	Tổng số	423	18.583.100	185.831.000.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong)

4. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC

4.1. Danh sách Công ty nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối của Công ty cổ phần Thủy điện Quế Phong

- Không có

4.2. Danh sách Công ty mà Công ty cổ phần Thủy điện Quế Phong đang nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối.

Không có

5. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Sản phẩm dịch vụ chính:



Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong là đầu tư xây dựng, vận hành, khai thác, sản xuất, kinh doanh điện năng từ các cụm Nhà máy thủy điện Quế Phong (Nhà máy Thủy điện Bản Cốc; Nhà máy Thủy điện Sao Va và Nhà máy Thủy điện Nhận Hạc).

Nhà máy Thủy điện Bản Cốc có 3 tổ máy với công suất lắp máy 18 MW, điện lượng bình quân hàng năm khoảng 76 triệu KWh. Nhà máy Thủy điện Sao Va có 3 tổ máy với công suất lắp máy 3 MW, điện lượng bình quân hàng năm khoảng 14 triệu KWh. Nhà máy Thủy điện Nhận Hạc có công suất lắp máy 45 MW, điện lượng bình quân hàng năm khoảng 190 KWh. Toàn bộ công suất của 3 nhà máy sẽ được chuyển tải vào hệ thống điện Quốc gia qua Trạm biến áp 110 KV Truong Bành, được xây dựng tại xã Quế Phong. Để hoà vào lưới điện Quốc gia, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã đầu tư xây dựng đường dây 35/110KV với tổng chiều dài 72 km nối từ Nhà máy Thủy điện Bản Cốc về Quý Hợp.

Nhà máy Thủy điện Bản Cốc bắt đầu phát điện thương mại từ 08/2009 và Nhà máy Thủy điện Sao Va bắt đầu phát điện thương mại từ tháng 02/2010.

Sản lượng điện và doanh thu của Nhà máy Thủy điện Bản Cốc từ năm 2010 - 2013:

	Sản lượng (KWh)	Doanh thu (đồng)
Năm 2010	49.424.430	33.156.581.700
Năm 2011	62.422.370	41.538.934.100
Năm 2012	48.800.457	34.965.802.378
Năm 2013	57.794.019	44.432.981.048

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong)

Sản lượng điện và doanh thu của Nhà máy Thủy điện Sao Va từ năm 2010 - 2013:

	Sản lượng (KWh)	Doanh thu (đồng)
Năm 2010	7.446.370	4.964.541.400
Năm 2011	9.752.700	6.466.786.500
Năm 2012	8.163.311	6.260.659.454
Năm 2013	9.883.695	9.006.520.118

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong)

Công ty là doanh nghiệp dự án và hiện đang thực hiện dự án Nhà máy Thủy điện Nhận Hạc (khởi công ngày 30/07/2010, tuy nhiên dự án trong thời gian qua không thể triển khai do không huy động được vốn đầu tư từ các cổ đông và các tổ chức tài chính). Sau khi cổ phiếu

của Công ty được đưa vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức, Công ty sẽ tiếp tục kêu gọi vốn của các nhà đầu tư để tiếp tục triển khai các dự án trên

5.2. Tình hình doanh thu, lợi nhuận qua các năm

a. Cơ cấu doanh thu của các mảng hoạt động qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Doanh thu (Tr.đ)	Tỷ lệ/ DTT (%)	Doanh thu (Tr.đ)	Tỷ lệ/ DTT (%)	Doanh thu (Tr.đ)	Tỷ lệ/ DTT (%)
Doanh thu bán điện	48.006	100	41.226	99,91	56.558	99,79
Doanh thu bán nguyên vật liệu	-	-	38	0,09	116	2,21
Tổng cộng	48.006	100	41.264	100	56.675	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012; BCTC kiểm toán năm 2013)

b. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	LN (Tr.đ)	Tỷ lệ/ DTT (%)	LN (Tr.đ)	Tỷ lệ/ DTT (%)	LN (Tr.đ)	Tỷ lệ/ DTT (%)
Lợi nhuận gộp về bán điện	13.471	28,06	6.299	15,28	15.041	26,59
Lợi nhuận gộp bán nguyên vật liệu	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	13.471	28,06	6.299	15,26	15.041	26,54

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012; BCTC năm 2013)

5.3. Công trình Công ty đang thực hiện:

Nhà máy Thủy điện Nhạn Hạc:

Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nhạn Hạc là công trình lớn nhất (45 MW) của cụm thủy điện Quế Phong với tổng mức đầu tư 980,562 tỷ đồng (thời điểm giá của năm 2010) với

sản lượng điện trung bình hàng năm 190,1 triệu kWh. Dự án này được khởi công vào ngày 30/07/2010.

Hiện nay trên công trường đã hoàn thành một số công việc của dự án: Giải phóng mặt bằng, hoàn thành thiết kế kỹ thuật, làm đường và cầu tràn từ thị trấn Kim Sơn lên vị trí xây dựng đập nhà máy, đào hơn 150.000 m³ đất đá, làm 5 km đường dây tải điện 35 KW từ nhà máy đến trạm biến áp Truong Bàn;... Với giá trị thực hiện khoảng 80 tỷ đồng.

Đây là dự án quyết định mang lại hiệu quả cho cụm thủy điện Quế Phong, nếu không hoàn thành nhà máy thủy điện Nhạn Hạc thì cụm thủy điện Quế Phong xem như “phá sản” bởi lẽ việc nhà máy thủy điện này phát sản lượng điện quyết định cho cụm dự án, trong khi đó hệ thống hạ tầng truyền dẫn điện cơ bản đã đầu tư hoàn chỉnh. Hiện nay, để có thể tiếp tục tiến hành thực hiện dự án Công ty cần phải tập trung giải quyết những vấn đề về vốn để đầu tư xây dựng dự án, cụ thể sau:

- Tái cơ cấu vốn Dự án Nhạn Hạc: kêu gọi vốn góp của Tập đoàn phát triển Nhà và Đô thị Việt Nam; mời gọi thêm các cổ đông đầu tư vốn từ nước ngoài hoặc các nhà tài chính trong nước.
- Nếu có nhà đầu tư mua toàn bộ dự án thì chuyển dự án cho họ đầu tư, số vốn Công ty đã đầu tư coi như là khoản vốn góp của Công ty CP Thủy điện Quế Phong, về đường dây 110 Kv Công ty cho thuê để thu hồi vốn.
- Nghiên cứu lại thủy năng, lập phương án bán điện riêng cho dự án Nhạn Hạc, điều chỉnh lại thiết kế và giảm công suất lắp máy còn 30 MW để áp dụng được biểu giá “chi phí tránh được”. Tích nước lòng hồ hàng ngày vào mùa khô, phát hết công suất vào giờ cao điểm như vậy sẽ có hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với đề công suất thiết kế 45 MW như hiện nay. Mặt khác môi trường có nhiều thay đổi làm giảm lưu lượng nước nên ảnh hưởng đến công suất phát điện.

Cụ thể giá “Chi phí tránh được” năm 2012 theo Quyết định số 06/QĐ – ĐTĐL ngày 19/10/2012:

Giá mùa khô (Từ tháng 11 đến tháng 6 năm sau):

+ Giờ cao điểm: 589 + 1805 = 2.394 đồng/kWh.

(Từ 09h30 – 11h30 và 17h – 20h)

+ Giá giờ thấp điểm: 551 đồng/kWh (từ 22h – 04h)

+ Giá giờ trung bình: 583 đồng/kWh (thời gian còn lại)

Giá mùa mưa (Từ tháng 07 tới tháng 10):

+ Giờ cao điểm: 549 đồng/kWh.

(Từ 09h30 – 11h30 và 17h – 20h)

+ Giá giờ thấp điểm: 533 đồng/kWh (từ 22h – 04h)

+ Giá giờ trung bình: 533 đồng/kWh (thời gian còn lại).

5.4. Nguyên vật liệu

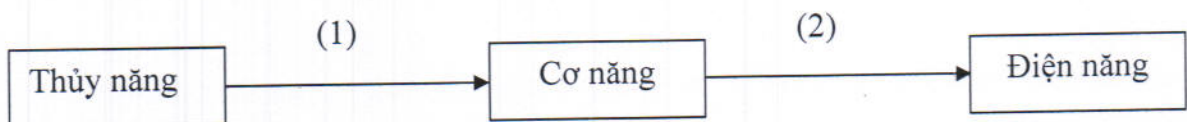
Nguyên vật liệu đầu vào của nhà máy thủy điện là nguồn nước tự nhiên. Vì vậy, tính ổn định của nguồn nước cùng với điều kiện thời tiết, khí hậu trong vùng lưu vực hồ tích chứa nước và lưu vực song đầu nguồn là những yếu tố chính quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của một nhà máy thủy điện. (thuế tài nguyên nước: 2% Doanh thu bán điện)

5.5. Chi phí sản xuất

Do là doanh nghiệp dự án nên toàn bộ chi phí hiện nay của công ty được tính vào chi phí xây dựng nhà máy, sau khi nhà máy vận hành sẽ thực hiện khấu hao hàng năm. Sau khi đi vào hoạt động, khấu hao tài sản cố định và lãi vay sẽ là yếu tố cấu thành chủ yếu của tổng chi phí sản xuất của Công ty. Các chi phí này sẽ được vốn hóa và làm cơ sở để tính nguyên giá của tài sản cố định và trích khấu hao hàng năm. Các chi phí khác bao gồm vật liệu phụ, lương công nhân, chi phí sửa chữa lớn, các dịch vụ mua ngoài... chiếm phần trăm không đáng kể trong tổng chi phí.

5.6. Trình độ công nghệ

* Sơ đồ dây truyền sản xuất sản phẩm điện năng của Công ty

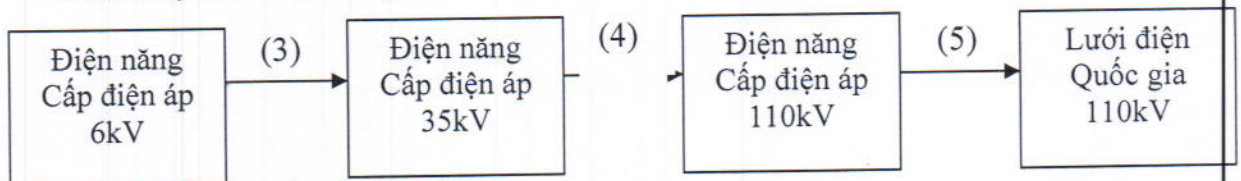


* Thuyết minh dây truyền sản xuất:

(1) Thủy năng từ các dòng chảy tự nhiên được chặn dòng bằng hệ thống đập dâng, đập tràn tại khu vực đầu mối; thủy năng sau khi được ngăn lại sẽ được hướng theo dòng chảy tập trung thông qua cống dẫn dòng, cống dẫn dòng được thiết kế lợi dụng địa hình đồi núi sao cho áp lực dòng chảy đầu ra đủ lớn làm quay tuabin thủy lực.

(2) Tuabin quay kéo theo rô to máy phát quay, sinh ra điện năng.

* Sơ đồ truyền tải điện năng



* Thuyết minh sơ đồ truyền tải điện năng

(3) Điện năng đầu cực máy phát là 6kV, để truyền tải về trạm biến áp 35/110kV phải được nâng lên điện áp 35kV để giảm tổn thất đường dây.

(4) Để đưa điện năng hòa vào lưới điện quốc gia, một lần nữa điện áp được nâng cấp từ 35V lên 110kV.

(5) Từ trạm nâng 35/110kV điện năng được dẫn đi ở cấp điện áp 110kV trên tuyến đường dây 110kV dài 60km mới hòa được vào lưới điện Quốc Gia. Tại đây điện năng mới được đo đếm phục vụ mua bán điện.

Đặc điểm công nghệ sản xuất

- Công nghệ sản xuất của Công ty mang tính đặc thù của ngành điện nói chung và đặc thù của các nhà máy thủy điện nói riêng, đây là loại dây truyền sản xuất thông dụng và rất phổ biến ở nước ta hiện nay.

- Phương pháp sản xuất: sử dụng phương pháp truyền thống kết hợp công nghệ hiện đại, tự động hóa cao nên giảm được lao động tay chân .

- Trang thiết bị: Máy móc thiết bị tân tiến hiện đại được chọn đa số xuất xứ Trung Quốc

• Ưu điểm: đáp ứng được yêu cầu cao về tự động hóa nhưng vốn đầu tư thấp, đa dạng về chủng loại;

• Nhược điểm: thiết bị chất lượng không cao nên hay hỏng vặt và tuổi thọ thấp.

- Mặt bằng, nhà xưởng, thông gió, ánh sáng: Các nhà máy đều được xây dựng trên địa hình đồi núi hiểm trở, gặp nhiều khó khăn trong quá trình đầu tư xây dựng . Tuy nhiên nhà xưởng được xây dựng kiên cố, trang bị đầy đủ thiết bị đảm bảo thông gió và ánh sáng phục vụ sản xuất.

- Về an toàn lao động: dây truyền sản xuất mang tính đặc thù ngành điện do đó vấn đề an toàn lao động, bảo hộ lao động luôn được đặt lên hàng đầu, tất cả cán bộ công nhân viên tham gia làm việc tại nhà máy đều phải trải qua khóa huấn luyện về an toàn lao động và được cấp thẻ an toàn theo trình độ, được bồi dưỡng thường xuyên kiến thức về an toàn lao động mỗi năm một lần.

- Các thiết bị nằm trong hạng mục thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm định định kỳ theo quy định và chỉ giao cho người chuyên trách được đào tạo chuyên môn vận hành.

- Bảo hộ lao động cũng được trang bị đầy đủ theo quy định ngành, cán bộ công nhân viên vận hành các nhà máy phải tuân thủ nội quy về bảo hộ lao động và chịu sự giám sát nghiêm ngặt của Ban an toàn lao động Công ty.

- Tất cả máy móc thiết bị chính đều có quy trình vận hành và xử lý sự cố riêng biệt đảm bảo cán bộ công nhân viên vận hành hiểu rõ về thiết bị, thao tác thuần thục trên thiết bị.

- Thiết bị phòng cháy chữa cháy cũng được trang bị đầy đủ các chủng loại, lắp đặt tại các vị trí chủ chốt có nguy cơ xảy ra hỏa hoạn.

5.7. Kế hoạch phát triển kinh doanh

- Công ty sẽ từng bước mở rộng thêm các ngành nghề sản xuất kinh doanh phấn đấu giảm lỗ và đầu tư có hiệu quả để có cổ tức chi trả cho các cổ đông.

- Đầu tư mở rộng liên doanh, liên kết, tìm cổ đông mới, cổ đông chiến lược để tiếp tục huy động vốn của chủ sở hữu đảm bảo đủ tỷ lệ vốn đối ứng làm cơ sở vay vốn thực hiện hoàn thành dự án Nhận Hạc và các Dự án khác.

5.8. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay, Công ty vẫn tập trung phát triển ngành nghề truyền thống là đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, đồng thời đầu tư mở rộng sang lĩnh vực Kinh doanh khách sạn, dịch vụ lữ hành.

5.9. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Sản phẩm điện là sản phẩm đặc thù, sản xuất và tiêu thụ song song với nhau, không có hàng tồn kho. Do đó chất lượng được kiểm định trực tiếp thông qua Trung tâm điều hành lưới điện quốc gia và trung tâm điều độ Quế Phong.

Đối với sản phẩm điện thương phẩm, công tác quản lý chất lượng của Công ty tập trung vào đảm bảo chất lượng điện cung cấp thông qua việc duy trì việc đáp ứng các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn theo quy định chung của ngành điện về: tần số, điện áp, mức độ ổn định lưới điện,... Nhằm đảm bảo cho máy móc, thiết bị, công trình phụ trợ, đê đập, hồ chứa luôn trong điều kiện vận hành tốt, đảm bảo sự liên tục ổn định trong việc cung cấp điện cho lưới điện quốc gia, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, Công ty đã triển khai một loạt các giải pháp sau:

- Công ty vận hành: thường xuyên củng cố, chấn chỉnh công tác vận hành trên các mặt: Trực ca, kiểm tra thiết bị vận hành, thao tác xử lý sự cố thiết bị, thực hiện các quy trình liên quan đến công tác vận hành, ghi chép nhật ký vận hành, công tác báo cáo, công tác vệ sinh công nghiệp hàng ngày, định kỳ.

- Đưa công tác quản lý thiết bị vào nề nếp: Lập và cập nhật lý lịch thiết bị để theo dõi vận hành sửa chữa, lập nhu cầu mua vật tư thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời những hư hỏng đảm bảo cho vận hành.

- Công tác an toàn vận hành luôn được chú trọng, tuân thủ nghiêm chế độ phiếu thao tác, công tác. Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm tra định kỳ đầy đủ.

- Triển khai thực hiện chế độ bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ theo đúng Quy trình quy định của Công ty.

- Lập phương án phòng chống bão lụt hàng năm, chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện phương án khi có lũ xảy ra.

- Xây dựng đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các Quy trình phối hợp vận hành Nhà máy; Quy trình phối hợp khai thác nguồn nước từ các hồ chứa nước; các quy trình vận hành khác.

- Phổ biến và hướng dẫn kịp thời các qui định về Bảo hộ lao động và An toàn lao động tới từng cán bộ công nhân viên của Công ty, qua đó nâng cao ý thức cho người lao động, phòng tránh các nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

5.10. Hoạt động Marketing

Hiện nay, sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm, việc tiêu thụ sản phẩm điện được nhà nước bao tiêu. Đặc biệt trong điều kiện nguồn cung về năng lượng điện còn rất thấp so với lượng cầu như hiện nay, hoạt động Marketing sản phẩm không được xem là quan trọng trong giai đoạn này.

5.11. Biểu tượng (Logo) của Công ty

Logo:



6. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm gần đây

Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm 2012 và năm 2013

Bảng 4: Một số chỉ tiêu về tình hình sản xuất kinh doanh

ĐVT:
đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	Biến động (%)
Tổng giá trị tài sản	452.172.116.749	432.947.302.024	(4,25)
Doanh thu thuần	41.264.643.632	56.675.071.690	37,35
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	(28.875.641.092)	(7.517.047.814)	73,96

doanh			
Lợi nhuận khác	10.714.604.995	2.041.789.694	(80,94)
Lợi nhuận trước thuế	(18.161.036.097)	(5.475.258.120)	69,85
Lợi nhuận sau thuế	(18.161.036.097)	(5.475.258.120)	69,85
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 và BCTC năm 2013)

Lợi nhuận khác năm 2012 cao đột biến là do Thu thanh lý tài sản 21.444.010.909 đồng và thu lãi trả chậm của Công ty Za Hung là 11.042.772.710 đồng.

Qua các năm, tổng giá trị tài sản của Công ty có xu hướng giảm dần, tuy nhiên doanh thu thuần năm 2013 đã có sự gia tăng so với năm 2012 và các khoản lỗ của Công ty đã dần được hạn chế.

* **Ghi chú:** Những ý kiến ngoại trừ của kiểm toán khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

✓ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Không thống nhất trong xử lý kế toán:

- Công ty đang ghi nhận một phần chi phí lãi vay phát sinh trước năm 2013 và trong năm 2013 với số tiền lần lượt là 15.634.326.241 đồng; 2.991.477.273 đồng vào khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” (mã số 261) trên Bảng cân đối kế toán thay vì ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm. Việc ghi nhận như vậy là chưa tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt nam. Nếu Công ty ghi nhận khoản chi phí lãi vay trên vào chi phí trong năm thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ tăng là 2.991.477.273 đồng, chỉ tiêu “trước thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm đi tương ứng và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 420) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2013 sẽ giảm 15.634.326.241 đồng.

- Công ty đang ghi nhận nguyên giá của tổ hợp Thủy điện Bản Cốc với số tiền là 366.487.883.229 đồng vào khoản mục “Tài sản cố định hữu hình” (mã số 222) trên Bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, theo hồ sơ quyết toán, giá trị tổ hợp tài sản của Thủy điện Bản Cốc là 408.146.610.270 đồng. Việc ghi nhận như vậy là chưa tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ giá trị tổ hợp tài sản cố định của Thủy điện Bản Cốc thì khoản mục “Nguyên giá tài sản cố định” và phải trả người bán” sẽ tăng lên tương ứng số tiền là 41.658.727.041 đồng. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc ghi nhận giá trị tổ hợp tài sản cố

định của Thủy điện Bản Cốc cũng như những ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

- Công ty ghi nhận giá trị xi măng xuất dùng cho công trình Thủy điện Sao Va từ năm 2009 với số tiền là 581.852.813 đồng vào khoản mục “Tài sản ngắn hạn khác” (mã số 158) trên Bảng cân đối kế toán mà không có biên bản giao nhận cũng như không xác nhận được đối tượng. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc ghi nhận giá trị tài sản thiếu chờ xử lý nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

✓ Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo ý kiến của kiểm toán, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề không thống nhất trong xử lý kế toán nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Kiểm toán lưu ý đến Thuyết minh số 2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

✓ Thuyết minh số 2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục. Như đã trình bày trên Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tổng số công nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 129.123.337.350 đồng (năm 2012: 101.056.161.117 đồng) (bao gồm khoản vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 01 năm tới). Lũy kế của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 47.376.539.995 đồng (năm 2012 là 43.066.462.572 đồng). Các yếu tố này gây ra nghi ngờ về tính hoạt động liên tục cho Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đã thông qua phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với Dự án Nhà máy Thủy điện Sao Va, tái cơ cấu Công ty nhằm ổn định sản xuất kinh doanh và nguồn thu từ dự án đảm bảo đủ trả nợ và có tích lũy cho doanh nghiệp. Đồng thời, theo kế hoạch của Hội đồng quản trị trong năm tới Công ty sẽ có phương án tái khởi động Dự án Nhận Hạch, thông báo cổ đông sáng lập và cổ đông hiện hữu tiếp tục góp đủ vốn điều lệ còn thiếu. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng một số khoản nợ và vay đến hạn trả sẽ được gia hạn và tình hình nợ sẽ không ảnh hưởng nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục và hợp lý.

* Điều chỉnh hồi tố:

✓ **Bản chất sai sót**

Ngày 25/06/2010, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã gửi công văn số 245/TĐQP – TCKT cho Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội về việc vay vốn thi công Dự án Nhận Hạc. Ngày 30/06/2010, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội đã chuyển cho Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong vay số tiền là 6 tỷ đồng với chủ trương sẽ chuyển góp vốn điều lệ đợt 2 năm 2010 theo như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong phê chuẩn tăng vốn bổ sung đợt 2. Khi nhận được tiền Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đã hạch toán là vốn góp. Tuy nhiên, việc tăng vốn điều lệ bổ sung đợt 2 nêu trên của Công ty không thành công. Đồng thời theo công văn số 243/TCT – TCKT của Tổng Công ty Xây dựng ngày 04/03/2014, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội xác nhận khoản tiền 6 tỷ đồng mà Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội đã chuyển cho Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong ngày 30/06/2010 sẽ được tính lãi từ ngày 30/06/2010 đến ngày 31/07/2010 và tiếp tục là khoản nợ phải trả Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Theo đó, khoản vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội tại Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong giảm và khoản Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong vay Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội tăng lên tương ứng số tiền là 6 tỷ đồng.

✓ **Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính trước điều chỉnh và sau điều chỉnh**

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán.

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2012 (trước điều chỉnh) VND	Số điều chỉnh VND	31/12/2012 (sau điều chỉnh) VND
A. Nợ phải trả	300			
I. Nợ ngắn hạn	310	16.801.000.000	6.000.000.000	22.801.000.000
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16.801.000.000	6.000.000.000	22.801.000.000
B. Nguồn vốn	400			
I. Vốn chủ sở hữu.	410	191.831.000.000	6.000.000.000	185.831.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	191.831.000.000	6.000.000.000	185.831.000.000

Các chỉ tiêu trên Bảng kết quả kinh doanh

	Năm 2012 (trước điều chỉnh) VND	Số điều chỉnh VND	Năm 2012 (sau điều chỉnh) VND



Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(18.161.036.097)	-	(18.161.036.097)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(947)	(31)	(977)

6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013

Những thuận lợi cơ bản:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ thường xuyên và kịp thời của các cấp chính quyền địa phương trong tổ chức hoạt động kinh doanh của mình, bảo vệ an toàn tài sản nhà máy.
- Công ty luôn nhận được sự trợ giúp thiết thực của lãnh đạo, các phòng ban kỹ thuật chuyên môn của các Công ty Điện lực tỉnh trong công tác rà soát quy trình quản lý vận hành, đặc biệt là trong công tác xử lý sự cố kỹ thuật hoặc công tác bảo hành sửa chữa.
- Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên chỉ đạo kịp thời, sát sao giải quyết các khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong kinh doanh, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, gắn bó với nỗ lực và long quyết tâm cao phấn đấu hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ trọng tâm do Đại hội cổ đông đề ra.
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành nhà máy qua thời gian thử thách vận hành, ngày càng tích lũy kinh nghiệm, từng bước nắm bắt thiết bị, xử lý linh hoạt các tình huống kỹ thuật, hạn chế thấp nhất sự cố; tính ổn định của máy móc thiết bị được kiểm chứng sau thời gian vận hành là một trong những các yếu tố góp phần vào việc vận hành Nhà máy thủy điện Bản Cốc và Nhà máy Thủy điện Sao Va một cách an toàn và hiệu quả;
- Đã xây dựng, ban hành đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật của 2 Nhà máy Thủy điện Bản Cốc và Sao Va, các quy trình vận hành, quản lý kỹ thuật, an toàn sản xuất để áp dụng trong thực tế; công tác quản lý thiết bị đã đưa vào nề nếp.
- Công tác vận hành tuân thủ nghiêm ngặt về quy trình kỹ thuật, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.
- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị được thực hiện tốt theo đúng kế hoạch đề ra.
- Công tác tổ chức lại bộ máy hoạt động, nhân sự được củng cố kiện toàn từng bước.

Những khó khăn cơ bản:

- Từ năm 2008 cho đến nay, tình hình kinh tế trong nước dưới tác động của việc thực thi chính sách thắt chặt tín dụng của các ngân hàng và chính sách lãi suất cơ bản tăng cao nhằm

kiềm chế lạm phát của Ngân hàng Nhà nước, cùng với sự bùng phát của khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu đã gây nên nhiều khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong nói riêng.

- Trong năm qua hạn hán kéo dài trên diện rộng tại các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên, mực nước về các hồ thủy điện thấp hơn so với trung bình nhiều năm, ảnh hưởng đến năng lực sản xuất điện của các nhà máy.
- Công ty đang gặp khó khăn về vốn để có thể tiếp tục đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Thủy điện Nhạn Hạc. Nhà máy Thủy điện Nhạn Hạc là dự án quan trọng nhất trong cụm Nhà máy Thủy điện Quế Phong, nếu dự án này không được hoàn thành Công ty rất dễ lâm vào tình trạng phá sản. Điều này gây tổn hại rất lớn cho Công ty.

7. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

a. Vị thế của Công ty:

Đôi thủ tiềm ẩn.

- Sức hấp dẫn của ngành: Hiện nay nguồn điện trong nước vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong nước, do đó nhà nước vẫn đang có chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp sản xuất điện. Các doanh nghiệp sản xuất điện hiện nay được hưởng ưu đãi lớn về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Những rào cản gia nhập ngành:

+ Để xây dựng một nhà máy sản xuất điện cần nguồn vốn đầu tư lớn.

+ Công nghệ cao để đảm bảo nhà máy vận hành ổn định.

Hiện tại ngành điện chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài vì các doanh nghiệp sản xuất điện của nhà nước được hưởng ưu đãi lớn, giá điện tuy đã được chuyển sang thực hiện theo cơ chế thị trường song vẫn chịu sự điều tiết của nhà nước, nên rất khó cho các doanh nghiệp nước ngoài gia nhập vào ngành này.

Nhà cung cấp

Đối với các nhà máy thủy điện, nguồn nguyên liệu đầu vào là nước, do đó nguồn nguyên liệu đầu vào chỉ phụ thuộc vào trữ lượng nước trong hồ của nhà máy, phụ thuộc vào yếu tố thời tiết.

Khách hàng

Hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân hàng ngày không thể thiếu điện. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu của người dân ngày càng tăng, vì vậy cầu về điện ngày càng tăng.

Cạnh tranh trong nội bộ ngành

Đặc điểm của ngành thủy điện nước ta hiện nay, các nhà máy sản xuất điện vốn đầu tư chủ yếu là nhà nước, cùng với đó là lượng điện sản xuất chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước, giá điện vẫn chịu sự điều tiết của nhà nước, vì vậy hầu như không có sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành.

Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

Nhà máy Thủy điện Bản Cốc có 3 tổ máy với công suất lắp máy 18 MW, điện lượng bình quân hàng năm khoảng 76 triệu KWh. Nhà máy Thủy điện Sao Va có 3 tổ máy với công suất lắp máy 3 MW, điện lượng bình quân hàng năm khoảng 14 triệu KWh. Nhà máy Thủy điện Nhận Hạc có công suất lắp máy 45 MW, điện lượng bình quân hàng năm khoảng 190 KWh.

Cụm Nhà máy Thủy điện Quê Phong có tổng công suất lắp máy là 66 MW, sản lượng hàng năm ước tính khoảng 280 triệu KWh. Tuy nhiên, hiện nay mới có 2 nhà máy Thủy điện Bản Cốc và Sao Va đi vào hoạt động với tổng công suất lắp máy là 21 MW, điện lượng bình quân hàng năm khoảng 90 triệu kWh, thì sản lượng điện do Công ty cung cấp chỉ chiếm một thị phần rất nhỏ trong tổng sản lượng điện năng quốc gia.

Do đặc thù của ngành điện, giữa các công ty sản xuất điện không có sự cạnh tranh về thị trường tiêu thụ vì thị trường điện của Việt Nam hiện nay và trong những năm tiếp theo nguồn cung vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của các thành phần trong nền kinh tế. Vì vậy sản lượng điện hàng năm mà Công ty sản xuất ra sẽ được tiêu thụ hết và có thể nói hoạt động của Công ty sẽ ổn định, bền vững trong những năm sắp tới

b. Triển vọng phát triển của ngành:

b.1. Tổng quan ngành điện Việt Nam

➤ **Mặc dù đã dần chuyển sang cơ chế thị trường nhưng đến thời điểm hiện tại điện vẫn là ngành có tính độc quyền cao:** Để có thể huy động vốn đầu tư phát triển ngành điện Chính phủ Việt Nam đã thông qua cách tiếp cận giá điện vận hành theo cơ chế theo thị trường và theo đuổi mục tiêu bảo vệ môi trường với danh mục đầu tư khác nhau cho các nguồn điện khác nhau.

Chính phủ Việt Nam đã đặt ra mục tiêu phát triển thị trường điện cạnh tranh nhằm nâng cao việc sử dụng hiệu quả nguồn cung điện trong bối cảnh nền kinh tế thị trường. Theo bản Dự thảo chi tiết phát triển thị trường Điện cạnh tranh, ngành điện sẽ phát triển qua ba giai đoạn:

- Thị trường phát điện cạnh tranh (2005-2014): các công ty sản xuất điện có thể chào bán điện cho người mua duy nhất;
- Thị trường bán buôn điện (2015-2022): các công ty bán buôn điện có thể cạnh tranh để mua điện trước khi bán cho công ty phân phối điện;

- Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh từ năm 2022 trở đi: người mua điện có thể lựa chọn cho mình nhà cung cấp.

Tuy nhiên, hiện nay các bên tham gia vào thị trường phát điện tại Việt Nam vẫn chủ yếu là các công ty Nhà nước như Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam (VINACOMIN) và các nhà sản xuất điện độc lập (IPPs) và dự án BOT nước ngoài. Các công ty Nhà nước chiếm thị phần rất lớn trong sản xuất điện.

➤ **Ngành điện hiện nay vẫn đang là ngành có nhu cầu lớn hơn khả năng sản xuất trong nước:** Tình trạng thiếu điện vẫn còn tiếp tục xảy ra, đặc biệt là vào mùa khô khi các dự án thủy điện thiếu nước. Nguyên nhân chính của hiện tượng này là giá điện thương phẩm hiện nay còn thấp, không khuyến khích được tư nhân đầu tư mạnh vào các dự án nhiệt điện mà tập trung chủ yếu vào các dự án thủy điện với chi phí vận hành thấp nên ngành điện nước ta hiện nay đang lệ thuộc rất lớn vào thủy điện.

Để có thể đáp ứng được nhu cầu điện năng, Chính phủ Việt Nam đã đề ra mục tiêu cụ thể về sản xuất và nhập khẩu cho ngành điện, sản xuất và nhập khẩu tổng cộng 194 – 210 tỉ KWh đến năm 2015, 330 – 362 tỉ KWh năm 2020, và 695 – 834 tỉ KWh năm 2030 (Tổng sơ đồ VII cho giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn 2030).

➤ **Việc đầu tư trong ngành được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ phía chính phủ.**

➤ **Các nguồn sản xuất điện nước ta hiện nay chủ yếu là từ nhiệt điện và thủy điện.**

b.2. Triển vọng ngành điện

Ngành điện là ngành rất có tiềm năng phát triển do nhu cầu tiêu thụ điện hiện đang vượt cung:

Trong tương lai, theo Tổng sơ đồ phát triển điện quốc gia (Tổng sơ đồ VII), nhu cầu điện của Việt Nam tiếp tục tăng từ 14-16%/năm trong thời kỳ 2011 - 2015 và sau đó giảm dần xuống 11,15%/năm trong thời kỳ 2016-2020 và 7,4 - 8,4%/năm cho giai đoạn 2021-2030.

Tiềm năng thủy điện:

Việt Nam nằm ở vùng nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều, lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.000 mm và hệ thống sông ngòi Việt Nam rất đa dạng, phong phú trải khắp cả nước (có 2.400 con sông có chiều dài lớn hơn 10 km). Do đó, tiềm năng thủy điện của nước ta lớn:

- Tổng kết các nghiên cứu về quy hoạch thủy điện ở Việt Nam cho thấy tổng trữ năng lý thuyết các con sông khoảng 300 tỷ kWh, công suất lắp máy được đánh giá khoảng 34.647 kWh/năm.

- Trữ năng kỹ thuật xác định khoảng 123 kWh tương đương với công suất lắp máy khoảng 31.000 MW.
- Hiện nay, các công trình thủy điện đã khai thác được khoảng 8.075 MW và mới khai thác được trên 26% tiềm năng kỹ thuật.

b.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Do nhu cầu sử dụng điện tại Việt Nam đang tăng, Nhà nước lại đang khuyến khích nhà đầu tư tham gia vào các dự án điện. Hiện nay, giá bán điện được thực hiện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước, giá điện từng bước phản ánh đúng chi phí của quá trình sản xuất kinh doanh điện: đưa ra những tín hiệu đúng cho việc thu hút đầu tư vào ngành điện; định hướng doanh nghiệp và người tiêu dùng sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả. Ngoài ra, giá bán điện được điều chỉnh theo biến động của các yếu tố đầu vào đảm bảo cho các đơn vị điện lực và toàn ngành điện luôn duy trì được các chỉ tiêu tài chính ở mức chấp nhận được, nâng cao khả năng huy động vốn cho đầu tư phát triển nguồn và lưới điện; duy trì được nhịp độ đầu tư các công trình mới, từng bước đảm bảo hệ thống điện có cân bằng cung cầu tốt với dự phòng ở mức độ hợp lý để đảm bảo an ninh cung cấp điện lâu dài; Tách bạch được chi phí cho từng khâu phát điện, truyền tải điện, phân phối bán lẻ điện, điều độ và quản lý ngành để đảm bảo tính minh bạch trong hạch toán kinh doanh của ngành điện, tiến tới áp dụng cơ chế điều chỉnh giá cho từng thành phần theo cơ chế thị trường. Như vậy, đến lúc đó sự năng động của các doanh nghiệp ngành điện sẽ cao hơn, quy mô sẽ được mở rộng thêm và hiệu quả kinh doanh sẽ tốt hơn. Những yếu tố đó khiến các nhà đầu tư tin tưởng doanh nghiệp trong ngành điện sẽ còn phát triển lâu dài và giá cổ phiếu điện lực sẽ ổn định trong nhiều năm tới.

Từ những phân tích triển vọng phát triển của ngành điện cùng với các chính sách của Chính phủ đối với ngành điện như ở trên đây, có thể thấy định hướng và hoạt động của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành điện, cũng như chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Chính phủ Việt Nam.

8. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

a. Tổng số lao động trong Công ty:

Tính đến 31/12/2013, tổng số lao động trong Công ty là 95 người.

Nội dung	Đv tính	Số lượng			Tỷ lệ (%)
		Nam	Nữ	Tổng	
Số lượng CBCN viên	Ng	86	9	95	100

Phân theo trình độ chuyên môn					
- Trình độ trên đại học – đại học	Người	13	3	16	16,84
- Trình độ trung cấp và cao đẳng	Người	21	4	25	26,31
- Đã qua đào tạo nghề	Người	52	0	52	54,73
- Lao động phổ thông	Người	0	2	2	2,10
Phân theo loại Hợp đồng					
- Không thời hạn	Người	11	0	11	11,58
- Có thời hạn	Người	75	9	84	88,42
Phân theo phân công lao động					
- Lao động trực tiếp	Người	70	2	72	75,79
- Lao động gián tiếp	Người	16	7	23	24,21

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong)

b. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động:

Lao động thường xuyên chỉ áp dụng cho số lao động có công việc làm thường xuyên, công việc yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm sâu, cần đào tạo kỹ. Số lao động và công việc kỹ thuật tương đối phổ thông, dễ tìm kiếm thay thế Công ty chuyển sang sử dụng các dịch vụ xã hội hoặc lao động thời vụ.

Công ty đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của Nhà nước. Cụ thể:

- ⇒ Trả lương theo khối lượng, chất lượng lao động, hiệu quả công việc và tính trách nhiệm của từng người trên cơ sở chuyên môn, kỹ thuật kinh nghiệm quản lý và vai trò đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ trong Công ty.
- ⇒ Lương được trả theo kết quả công việc đã thực hiện và vị trí, chức danh đang đảm nhận. Khi thay đổi vị trí, chức danh thì tiền lương sẽ thay đổi phù hợp với vị trí, chức danh mới.

⇒ Gắn việc phân phối tiền lương với quản lý và sử dụng lao động hợp lý của các bộ phận trên cơ sở sử dụng các nguồn nhân lực hiện có để SXKD đạt hiệu quả cao nhất.

Ngoài các chính sách nói trên, các chính sách khác được áp dụng theo đúng Luật Lao động như người lao động được ký kết hợp đồng lao động, được trả lương theo đúng nội dung hợp đồng lao động, được quyền khiếu nại và tranh chấp trên hợp đồng lao động, được tạo điều kiện thuận lợi trong lao động và học tập, được bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong quá trình làm việc...

Tùy theo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm Công ty có mức thưởng phù hợp cho người lao động. Nhưng thông thường các ngày lễ lớn Công ty chỉ thưởng bằng tiền mặt là 200.000 đồng.

- Lương tháng 13 & thưởng cuối năm
 - Người lao động làm việc từ 9 tháng trở lên hưởng một tháng thu nhập.
 - Người lao động làm việc dưới 9 tháng hưởng theo tỷ lệ thời gian.
 - Căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của Công ty và kết quả công việc trong năm người lao động, ngoài việc được hưởng lương tháng 13 người lao động còn có thể được hưởng theo hiệu quả kinh doanh của Công ty .
- Trợ cấp thôi việc
 - Tiền trợ cấp thôi việc: mỗi năm làm việc 01 tháng lương cơ bản (theo Luật lao động là 1/2 tháng)
 - Trợ cấp thâm niên: ngoài tiền trợ cấp thôi việc nếu người lao động có thâm niên từ 5 năm trở lên được hưởng thêm 2 hoặc 4 tháng lương tùy theo loại HĐLĐ.
- Du lịch nghỉ mát: Hàng năm Công ty tổ chức cho NLĐ đi nghỉ mát từ 03 – 04 ngày, Công ty đài thọ 100% chi phí, người lao động được hưởng nguyên lương trong những ngày đi nghỉ mát.
- Com trưa
 - Nhân viên được phục vụ com trưa (miễn phí) tại văn phòng Công ty.
 - Phòng ăn máy lạnh, thức ăn nóng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
 - Nhân viên không ăn trưa tại Công ty thì được nhận tiền theo giá trị bữa ăn.
- Kết hôn: Nhân viên làm việc đủ 9 tháng trở lên thì được hưởng chế độ này, Được tặng một phần quà lưu niệm theo thỏa ước lao động tập thể .
- Sinh nhật: Ngày sinh nhật nhân viên được Công ty tổ chức chúc mừng và được một phần quà lưu niệm hoặc tiền mặt là 150.000đồng.



- Các hoạt động đoàn thể: Được tham gia sinh hoạt Đảng (nếu là Đảng viên), Sinh hoạt Đoàn thanh niên, Công đoàn.
- Các hoạt động thể thao:
 - Sân bóng chuyền (miễn phí)
 - Sân cầu lông (miễn phí)
 - Bóng bàn (miễn phí)
- Hỗ trợ khó khăn: Những nhân viên có hoàn cảnh khó khăn sẽ được Công ty hoặc BCH Công đoàn xem xét và hỗ trợ.
- Chế độ từ tuất: Người lao động được hỗ trợ bằng tiền theo thoả ước lao động tập thể trong những trường hợp sau đây :
 - Người lao động từ tuất.
 - Thân nhân người lao động từ tuất .
 - Trường hợp gia đình đặc biệt khó khăn sẽ được Công ty xem xét cụ thể.

9. CHÍNH SÁCH CHIA CỔ TỨC

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty. Cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông 6 tháng 1 lần. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong những năm vừa qua, do Công ty hoạt động thua lỗ nên đã không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông.

10. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được thành lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam

Trích khấu hao TSCĐ:

Do đặc thù của các công ty thuộc ngành điện là phần lớn tài sản cố định là những thiết bị, máy móc chuyên dụng (thiết bị nhà máy, trạm biến áp, tổ máy phát điện...) cùng hệ thống đập, kênh, cống... nên tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của CTCP Thủy điện Quế Phong được áp dụng theo phương pháp đường thẳng, theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính (nay là thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013). Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

Mức lương bình quân:

Quỹ lương được xác định căn cứ đề nghị của Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị sẽ quyết định tổng quỹ lương của Công ty vào các kỳ họp hàng năm.

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động.

DDVT: Đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2011 (đồng)	Năm 2012 (đồng)	Năm 2013 (đồng)
Mức lương bình quân	3.200.000	3.600.000	3.900.000

(Nguồn: Công ty CP Thủy điện Quế Phong)

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Tại thời điểm 31/12/2013, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với tổng số tiền là 129.123.337.350 đồng và tại thời điểm 31/12/2012, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 101.056.161.117 đồng, dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Ban Giám đốc Công ty lên phương án xin gia hạn các khoản nợ, vay đến hạn và lãi vay để có thời gian thu xếp trả nợ. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng một số khoản nợ và vay đến hạn trả sẽ được gia hạn và tình hình nợ sẽ không ảnh hưởng nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện đầy đủ việc nộp thuế hàng năm cho Nhà nước theo đúng luật định:

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10%.



- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, theo Quy định hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
Thuế giá trị gia tăng	5.664.495.414	139.320.030
Thuế thu nhập cá nhân	14.219.011	-
Thuế tài nguyên	587.402.647	21.341.581
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	41.642.500
Thuế khác (*)	106.615.911	881.779.681
Cộng	6.372.732.983	1.084.083.792

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013)

Trích lập các quỹ theo luật định

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty một khoản để lập các quỹ dự trữ, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Việc lập các quỹ khác sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tuy nhiên, trong những năm qua Công ty hoạt động liên tục bị thua lỗ, nên đã không trích lập quỹ.

Tổng dư nợ vay ngắn hạn

Tại thời điểm 31/12/2013, vay và nợ ngắn hạn của Công ty là 33.053.209.741 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2012, vay và nợ ngắn hạn của Công ty là 22.801.000.000 đồng, chi tiết như sau:

Danh sách các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

STT	Vay và Nợ ngắn hạn	31/12/2012	31/12/2013
1	Vay ngắn hạn	18.800.000.000	17.000.000.000
a	Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển	-	-



STT	Vay và Nợ ngắn hạn	31/12/2012	31/12/2013
	Nông Thôn Quế Phong		
b	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	18.800.000.000	17.000.000.000
	- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội (i)	17.000.000.000	17.000.000.000
	- Vay cá nhân	1.800.000.000	-
2	Nợ dài hạn đến hạn trả	4.001.000.000	16.053.209.741
a	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Quang Trung	-	9.300.000.000
b	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Phú Quý	4.001.000.000	6.753.209.741
	Tổng	22.801.000.000	33.053.209.741

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013)

(i) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội theo các Hợp đồng vay vốn sau:

- Công văn số 245/TĐQT – TCKT ngày 25/06/2010 của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong về việc vay của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội để thi công dự án Nhận Hạc với số tiền là 6 tỷ đồng. Khoản vay này được tính lãi từ ngày 30/06/2010 (thời điểm Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong) đến ngày 31/07/2010 (thời điểm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong phê chuẩn việc tăng vốn điều lệ bổ sung đợt 2). Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

- Hợp đồng vay vốn ngày 27/01/2011, ngày 25/01/2011 và ngày 28/08/2013, tổng số tiền vay là 11 tỷ đồng, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay của các khoản vay này dưới 12 tháng. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội tại thời điểm vay tiền.

Tổng dư nợ vay dài hạn

Tại thời điểm 31/12/2013, vay nợ dài hạn của Công ty là 126.799.000.000 đồng

Tại thời điểm 31/12/2012, vay nợ dài hạn của Công ty là 164.120.000.000 đồng

Danh sách các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng



STT	Vay dài hạn	31/12/2012	31/12/2013
1	Vay Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung (*)	139.700.000.000	107.700.000.000
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quý (**)	24.420.000.000	19.099.000.000
	Tổng	164.120.000.000	126.799.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013)

(*) Khoản vay dài hạn được thực hiện dưới hình thức Hợp đồng tín dụng theo hợp đồng số 06.1034329.02/HĐTD ngày 14/11/2006 từ các Ngân hàng và các tổ chức sau:

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung.
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
- Ngân hàng Indovina – Chi nhánh Hà Nội.
- Công ty Tài chính Bưu điện.

Trong đó, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Quang Trung là Ngân hàng đầu mối. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 220.000.000.000 VND. Thời hạn vay theo Hợp đồng này là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này sẽ được trả theo từng quý tương ứng với 34 kỳ liên tiếp vào các ngày thanh toán lãi và bắt đầu từ ngày thanh toán lãi của quý thứ bảy kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 25/12/2016.

Các khoản vay này sẽ được dùng để thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án theo đúng kế hoạch góp vốn và sử dụng vốn Đầu tư dự án. Lãi suất của các khoản bằng tổng của lãi suất tham chiếu và 3,6%/năm. “Lãi suất tham chiếu” có nghĩa là, đối với mỗi kỳ hạn tính lãi, mức bình quân của lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của tất cả các bên cho vay, được xác định vào ngày xác định lãi suất tương ứng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất tương ứng áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc quá hạn đó.

Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các công trình dự án và các bất động sản của bên vay liên quan đến dự án Thủy điện và bằng quyền đối với vốn góp của các Cổ đông trong bên vay (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) theo hợp đồng thế chấp quyền đối với vốn góp trong Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong.

(**) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Quý theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2007/HĐTD – SV ngày 12/08/2007, số tiền cho vay tối đa là 39.815.000.000 đồng, mục



đích vay vốn để thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Sao Va tại xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, thời hạn vay 9 năm kể từ ngày nhận món tiền vay đầu tiên, lãi suất áp dụng theo nguyên tắc lãi suất thả nổi trên cơ sở lãi suất xác định bằng giá chuyển vốn nội bộ FTP loại kỳ hạn > 60 tháng đối với VND + 3%/năm tại thời điểm xác định, giá chuyển vốn nội bộ FTP loại kỳ hạn > 60 tháng là lãi suất mua vốn dài hạn mà Ngân hàng phải trả cho Hội sở chính Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam.

Tình hình công nợ

KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị tính: đồng

STT	PHẢI THU NGẮN HẠN	31/12/2012	31/12/2013
1	Phải thu khách hàng	19.539.310.474	14.336.347.688
2	Trả trước người bán	19.297.853.924	18.928.690.453
3	Các khoản phải thu khác	25.853.467	318.730.499
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
TỔNG CỘNG		38.863.017.865	33.583.768.640

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013)

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: đồng

STT	PHẢI TRẢ NGẮN HẠN	31/12/2012	31/12/2013
1	Vay và nợ ngắn hạn	22.801.000.000	33.053.209.741
2	Phải trả người bán	47.984.467.477	48.669.897.991
3	Người mua trả tiền trước	-	-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.372.732.983	1.084.083.792
5	Phải trả người lao động	1.382.456.975	683.837.976
6	Chi phí phải trả	61.574.655.683	79.493.512.481
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.660.736.203	5.362.950.735
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
TỔNG CỘNG		144.776.049.321	168.347.492.716

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013)

PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Đơn vị tính: đồng

STT	PHẢI TRẢ DÀI HẠN	31/12/2012	31/12/2013
1	Vay và nợ dài hạn	164.120.000.000	126.799.000.000
	TỔNG CỘNG	164.120.000.000	126.799.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013)

b. Tình hình hoạt động tài chính

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ số tài chính	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,30	0,23
+Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,30	0,22
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,68	0,68
+Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,16	2,14
Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động			
+Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	Vòng	53,12	69,39
+Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,09	0,13
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (*)			



Chỉ số tài chính	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013
+Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	-	-
+Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-	-
+Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-	-
+Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và năm 2013)

Ghi chú:

- Các chỉ tiêu tài chính được tính toán trên cơ sở số liệu đã được điều chỉnh hồi tố theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, nhưng chưa tính đến các ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ, lưu ý của kiểm toán

- Công ty không tính chỉ tiêu về khả năng sinh lời vì lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong 2 năm 2012 và năm 2013 đều âm

11. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC

11.1. Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Minh Cương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Thái Phong Nhã	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Đoàn Kim Đồng	Ủy viên Hội đồng quản trị
4	Nguyễn Xuân Nghiêm	Ủy viên hội đồng thành viên
5	Bùi Lê Quang	Ủy viên Hội đồng thành viên
6	Ngô Thành Phước	Ủy viên Hội đồng thành viên
7	Tăng Văn Chúc	Ủy viên Hội đồng thành viên



Ông Nguyễn Minh Cường - Chủ tịch HĐQT

CMND số	011267428 do Công An Hà Nội cấp ngày 08/01/2004
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/10/1967
Nơi sinh	Nguyễn Huệ - Phú Xuyên – Hà Tây
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nguyễn Huệ - Phú Xuyên – Hà Tây
Địa chỉ thường trú	TP. Hà Nội
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
- Từ tháng 08/2009 đến nay	P. Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội
- Từ tháng 10/2009 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Quê Phong
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	P. Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội
Số cổ phần sở hữu và đại diện	8.193.707 CP (chiếm 44,09% vốn điều lệ)
+ Số CP sở hữu	10.000 CP (chiếm 0,05% vốn điều lệ)
+ Số CP đại diện cho Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	8.183.707 CP (chiếm 44,04% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Công	Không



ty (nếu có)	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội: 8.183.707 CP (chiếm 44,04% vốn điều lệ).

Ông Thái Phong Nhã – Phó Chủ tịch HĐQT

CMTND số	019060000005 ngày cấp 29/11/2013 Nơi cấp: Hà Nội
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	17/02/1960
Nơi sinh	Đạo Lý – Lý Nhân – Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Đạo Lý – Lý Nhân – Hà Nam
Địa chỉ thường trú	P.C612 The Manor, Đô thị Mỹ Đình – Mỹ Trì – Từ Liêm – Hà Nội
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác	
- 04/2010 – 04/2013	Phó chủ tịch HĐQT kiêm cố vấn cao cấp cho Ban TGD Công ty Cổ phần Prime Group
- 05/2013 – đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Nậm Cắn, Công ty Cổ phần Prime Quế Phong, Thái Việt, Thái Nguyên và Công ty CP Phát triển Năng lượng Viễn Thông Miền Trung
- 01/2014 – đến nay	Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong



Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Nậm Cắn, Công ty Cổ phần Prime Quế Phong, Thái Việt, Thái Nguyên và Công ty CP Phát triển Năng lượng Viễn Thông Miền Trung
Số cổ phần sở hữu và đại diện	2.989.673 CP (chiếm 15,58% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần sở hữu	2.989.673 CP (chiếm 15,58% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần đại diện	0 CP
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không có

Ông Đoàn Kim Đồng - Ủy viên HĐQT

CMND số	011714280 do Công An Hà Nội cấp ngày 07/5/2010
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	23/03/1960
Nơi sinh	Phù Thủy – Lệ Thủy – Quảng Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phù Thủy – Lệ Thủy – Quảng Bình
Địa chỉ thường trú	TT Công Đoàn – Đường Hoàng Quốc Việt – Hà Nội
Trình độ văn hoá	10/10



Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; KS kinh tế xây dựng, kỹ sư XD hầm cầu và Cử nhân Luật
Quá trình công tác	
- 01/2000 – 10/2003	Phó trưởng phòng Phát triển dự án – Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội
- 11/2003 – 10/2005	Giám đốc Ban QLDA Thủy điện Bản Cốc
- 11/2005 – đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ hiện tại	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu và đại diện	60.000 CP (0,31% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần sở hữu	60.000 CP (chiếm 0,31% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	0 CP
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không có

Ông Nguyễn Xuân Nghiêm - Ủy viên HĐQT

CMND số	182545942 Công An Tỉnh Nghệ An cấp ngày 05/11/2000
---------	--



Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/10/1957
Nơi sinh	Nam Trung – Nam Đàn – Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nam Trung – Nam Đàn – Nghệ An
Địa chỉ thường trú	Xã Hưng Lộc – TP. Vinh – Nghệ An
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
02/2002 – 06/2005	Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 6 – Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội
07/2005 – 10/2005	Phó giám đốc Ban Quản lý dự án Thủy điện Bản Cốc
11/2005 – đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong.
Chức vụ hiện tại	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu và đại diện	4.335 CP (chiếm 0,02% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần sở hữu	4.335 CP (chiếm 0,02% vốn điều lệ)
+ Số phần đại diện phần vốn Nhà nước	0 CP
Các khoản nợ đối với	Không



Công ty (nếu có)	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không có

Ông Bùi Lê Quang - Thành viên HĐQT

CMTND số	011361079 Công An Hà Nội cấp ngày 04/12/2008
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/01/1969
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	TP. Hà Nội
Địa chỉ thường trú	53 Trại Găng – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
05/2007 – đến nay	Phó phòng, phụ trách phòng Đầu tư, tài chính – Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
Từ đầu năm 2013 – đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ hiện tại	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong



Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Giám đốc Công ty Tài chính Bưu điện
Số cổ phần sở hữu và đại diện	500.000 CP
+ Số cổ phần sở hữu	0 CP
+ Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước – Công ty Tài chính Bưu điện	500.000 CP
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	- Công ty Tài chính Bưu điện sở hữu: 500.000 cổ phần

Ông Ngô Thành Phước - Thành viên HĐQT

CMTND số	013028040 do CA Hà Nội cấp ngày 1/12/2007
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/09/1976
Nơi sinh	198 Nguyễn Tuân – Thanh Xuân – Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	198 Nguyễn Tuân – Thanh Xuân – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	198 Nguyễn Tuân – Thanh Xuân – Hà Nội
Trình độ văn hoá	10/10



Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
18/06/2010 – đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ hiện tại	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Phòng Kinh tế thị trường Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước
Số cổ phần sở hữu và đại diện	1.590.000 CP
+ Số cổ phần sở hữu	0 CP
+ Số cổ phần đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	1.590.000 CP
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước: 1.590.000 CP

Ông Tăng Văn Chúc - Thành viên HĐQT

CMTND số	012359711 CA Hà nội cấp ngày 07/7/2000
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/10/1956
Nơi sinh	Gia xuyên- Gia Lộc – Hải Dương



Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Gia xuyên- Gia Lộc – Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Phường Cống vị- Ba Đình – Hà Nội
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ 18/6/2010 đến nay:	Ủy viên HĐQT – Công ty CP Thủy Điện Quế Phong
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô – Bộ Quốc Phòng
Số cổ phần sở hữu và đại diện	1.700.000 CP
+ Số cổ phần sở hữu	0 CP
+ Số cổ phần đại diện cho Công ty CP Xây dựng Lũng Lô 2	1.700.000 CP
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	- Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng lô 2: 1.700.000 CP

11.2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc	Chức vụ
-------------------	---------



1	Đoàn Kim Đồng	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Xuân Nghiêm	Phó Tổng Giám đốc
3	Bùi Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Bất Hùng	Phó Tổng Giám đốc

❖ Ông Đoàn Kim Đồng

Như trên (11.1)

❖ Ông Nguyễn Xuân Nghiêm

Như trên (11.1)

❖ Ông Bùi Văn Trung

CMTND số	171849092 do CA Thanh Hóa cấp ngày 12/8/2004
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/05/1977
Nơi sinh	Khu 2 – Thị trấn Hậu Lộc – TP. Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Khu 2 – Thị trấn Hậu Lộc – TP. Thanh Hóa – tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	Khu 2 – Thị trấn Hậu Lộc – TP. Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng công trình thủy điện
Quá trình công tác	
- 2003 - 2008	Làm cán bộ kỹ thuật, Phó phụ trách Phòng KT - CN
- 01/2008 – 12/2009	Phó trưởng phòng KTCN



- 01/2010 – đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần sở hữu và đại diện	2.000 CP
+ Số cổ phần sở hữu	2.000 CP
+ Số cổ phần đại diện	0 CP
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không có

❖ Ông Lê Bất Hùng

CMTND số	171800226 do CA Thanh Hóa cấp ngày 22/9/2005
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/10/1981
Nơi sinh	Tân Ninh – Triệu Sơn – Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tân Ninh – Triệu Sơn – Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	Thị trấn Kim Sơn – Huyện Quế Phong – Tỉnh Nghệ An
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện



Quá trình công tác	
- 06/2006 – 01/2008	Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Xây lắp Điện lực Thanh Hóa
- 01/2008 – 11/2008	Cán bộ kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
- 11/2008 – 07/2009	Phó phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
- 07/2009 – 01/2010	Đội trưởng đội QLVH đường dây và trạm
- 01/2010 – 04/2011	TP kỹ thuật Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
- 01/2011 – đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có
Số cổ phần sở hữu và đại diện	0 CP
+ Số cổ phần sở hữu	0 CP
+ Số cổ phần đại diện	0 CP
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo quy định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không có

11.3. Thành viên Ban kiểm soát

	Ban kiểm soát	
1	Lê Minh Hùng	Trưởng ban
2	Hoàng Duyên	Ủy viên



3	Nguyễn Bá Tiến	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Bích	Ủy viên

Ông Lê Minh Hùng - Trưởng ban Kiểm soát

CMND số	011823135 do CA Hà Nội cấp
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	11/12/1976
Nơi sinh	Số 14/100 Trần Duy Hưng – Cầu Giấy – Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Số 14/100 Trần Duy Hưng – Cầu Giấy – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 14/100 Trần Duy Hưng – Cầu Giấy – Hà Nội
Điện thoại	
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế xây dựng
Quá trình công tác	
- Từ 2006 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ hiện tại	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu và đại diện	0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty)
+ Số cổ phần sở hữu	0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty)
+ Số cổ phần đại diện	0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty)



Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo qui định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không có

Bà Hoàng Duyệt - Ủy viên Ban kiểm soát

CMND số	172110027 do CA Thanh Hóa cấp ngày 03/4/2001
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	23/11/1967
Nơi sinh	Nga Lộc – Hậu Lộc – Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nga Lộc – Hậu Lộc – Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	81 Trường Chinh – Quận Thanh Xuân – TP. Hà Nội
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ 2008 đến nay:	Ban kiểm soát – Công ty CP thủy điện Quế Phong
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thiết kế Công Nghệ Hà Nội



Số cổ phần sở hữu và đại diện	0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần sở hữu	0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần đại diện	0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo qui định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không có

Ông Nguyễn Bá Tiến - Ủy Viên Ban kiểm soát

CMND số	164027707 do CA Ninh Bình cấp ngày 15/2/2009
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	28/11/1977
Nơi sinh	Xã Yên Bằng – Huyện Ý Yên – Tỉnh Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Yên Bằng – Huyện Ý Yên – Tỉnh Nam Định
Địa chỉ thường trú	Ngõ 127 Pháo Đài Láng – Q. Đống Đa – TP. Hà Nội
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
10/03/2011 – đến nay	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong



Chức vụ hiện tại	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó trưởng phòng Tín dụng – Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
Số cổ phần sở hữu và đại diện	256.000 CP (chiếm 1,33% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần sở hữu	0 CP
+ Số cổ phần đại diện	256.000 CP (chiếm 1,33% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không có

Bà Nguyễn Thị Bích - Ủy viên Ban kiểm

CMND số	012996666 CA Hà nội cấp ngày 18/4/2007
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	15/2/1960
Nơi sinh	Phường Nghi hải- Thị xã Cửa Lò- Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phường Nghi hải- Thị xã Cửa Lò- Nghệ An
Địa chỉ thường trú	Phường cổ Nhuế - Từ Liêm – Hà Nội
Trình độ văn hoá	12/12



Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 2006 đến nay:	Ban kiểm soát – Công ty CP thủy điện Quế Phong
Chức vụ hiện tại	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Lũng Lô 2
Số cổ phần sở hữu và đại diện	0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần sở hữu	0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần đại diện	0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo qui định
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không có

11.4. Phó phòng kế toán (Phụ trách phòng kế toán)

❖ Bà Trần Thị Thúy – Phó phòng kế toán

CMND số	182524235 Ngày cấp: 13/01/2000 Nơi cấp: CA Nghệ An
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	21/11/1983



Nơi sinh	K7 – Phường Bến Thủy – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hung Thịnh – Hưng Nguyên – Nghệ AN
Địa chỉ thường trú	TT Kim Sơn – Huyện Quế Phong – Tỉnh Nghệ An
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
- 10/2005 – 08/2008	Văn thư, thủ quỹ Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
- 09/2009 – 09/2011	Chuyên viên Kế toán Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
- 15/09/2011 – 07/2013	Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
- 08/2013 đến nay	Phó phòng, phụ trách Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ hiện tại	Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu và đại diện	3.000 CP (chiếm 0,02% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần sở hữu	3.000 CP (chiếm 0,02% vốn điều lệ)
+ Số cổ phần đại diện	0 CP (chiếm 0% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Lợi ích liên quan đối với	Lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo qui định



tổ chức phát hành	
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không

12. TÀI SẢN

Bảng kê TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên	31/12/2013		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa vật kiến trúc	2.946.099.393	544.911.086	2.401.188.307
2	Tổ hợp Thủy điện Bản Cốc, Sao Va	409.567.370.517	80.919.338.250	328.648.032.267
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.556.544.104	982.244.911	574.299.193
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	87.000.000	23.969.287	63.030.713
Tổng TSCĐHH		414.157.014.014	82.470.463.535	331.686.550.479
1	Phần mềm máy tính	173.000.000	173.000.000	-
2	Quyền chuyển nhượng mỏ đá	105.000.000	5.082.192	99.917.808
Tổng TSCĐVH		278.000.000	178.082.192	99.917.808

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013)

• Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 là 295.509.821.027 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

13. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO

13.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2014	
			Kế hoạch	% tăng /giảm
1	Vốn chủ sở hữu	Tr. đ	399.216.746.021	189,71
2	Doanh thu thuần	Tr. đ	72.085.499.748	27,19%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	1.250.000.000	-
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,73%	-
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,31%	-
6	Tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức	%/năm	0%	-

(Nguồn : Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong)

13.2. Định hướng phát triển

❖ Ổn định công tác vận hành phát điện.

- Duy trì, ổn định công tác vận hành nhà máy thủy điện Bản Cốc, Trạm biến áp Trông Bành, đường dây truyền tải 35/110 Kv Trông Bành – Quý Hợp, nhà máy thủy điện Sao Va. Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị đảm bảo vận hành tối đa khi lượng nước lòng hồ cho phép, phân đầu phát điện từ 85% công suất thiết kế trở lên. Không để xảy ra sự cố lớn làm ảnh hưởng đến máy móc thiết bị, không để xảy ra tai nạn lao động nặng. Phối hợp chặt chẽ với trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc Gia và trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Bắc (A0, A1) để hòa vào lưới điện hết công suất phát ra.

- Đảm bảo an toàn hành lang lưới điện, phối hợp vận hành với các đơn vị truyền tải điện trong khu vực : Công ty quản lý lưới điện cao thế miền Bắc, Công ty điện lực Nghệ An, B15, nhà máy thủy điện Nậm Pông và một số đơn vị khác.

❖ Đầu tư xây dựng dự án du lịch, dịch vụ (điều dưỡng) Cửa Lò.

❖ Đầu tư xây dựng, hoàn thành dự án Nhạn Hạc

❖ Đầu tư xây dựng khai thác mỏ đá Pù Càng.

❖ Mở rộng ngành nghề kinh doanh :

Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện nguồn vốn cho phép Công ty mở rộng một số ngành nghề :

- Khai thác chế biến lâm sản : Tận dụng gỗ do mưa lũ trôi dạt vào lòng hồ Bản Cốc và thu mua lâm sản trong khu vực để chế biến lâm sản, tạo ra sản phẩm thông dụng như bàn ghế, giường



tủ, cánh cửa,... Sử dụng những sản phẩm này bán ra ngoài và phục vụ xây dựng nhà ở, trụ sở Công ty. Sử dụng nhà kho chứa thiết bị của nhà máy Bản Cốc trước đây để làm nhà xưởng chế biến lâm sản. Liên kết với một số đơn vị để họ cung cấp thiết bị và cùng Công ty sản xuất kinh doanh sản phẩm.

- Sản xuất gạch nung : Hiện nay khu vực huyện Quế Phong có một số mỏ đất sét có thể sản xuất được gạch không nung, Công ty Quế Phong có thể xin đầu tư xây dựng một nhà máy với sản lượng 10 triệu viên/năm. Hiện tại, trong khu vực huyện Quế Phong và Quỳnh Châu chưa có nhà máy sản xuất gạch, để có gạch xây dựng công trình phải đi mua từ Nghĩa Đà cách xa Quế Phong gần 100 km, chi phí vận chuyển rất lớn.
- Khai thác đá Granis : Qua tìm hiểu và được phòng tài nguyên huyện Quế Phong cung cấp thông tin, trong khu vực Quế Phong có một số mỏ đá Granis có thể chế biến đá phục vụ thị trường xây dựng, đây là loại vật liệu chất lượng cao, Công ty có thể làm việc với lãnh đạo địa phương để xin khảo sát địa điểm, trữ lượng và chất lượng để lập dự án đầu tư.
- Trồng rừng : Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2008/NĐ – CP ngày 14/01/2008 và Nghị quyết số 99/2010/NĐ – CP ngày 24/09/2010 của Chính Phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng ; Thực hiện Nghị quyết số 2248/QĐ – TTG ngày 13/12/2010 của Chính Phủ về chính sách dự án chi trả dịch vụ môi trường rừng. Công ty Quế Phong đã có quỹ đất để xây dựng dự án thủy điện, quỹ đất này sau khi xây dựng xong nhà máy thì Công ty xin nguồn Quỹ để trồng rừng, phát triển rừng trong diện tích đất được cấp. Như vậy vừa có thêm thực vật che phủ diện tích đất chống xói mòn vừa tạo ra việc làm cho nguồn lao động để nâng cao đời sống.
- Thành lập đội xây lắp đảm bảo nhiệm vụ xây dựng các công trình nội bộ Công ty và nhận thầu thi công xây lắp.
- Tìm kiếm đầu tư một số dự án khác trong khu vực Quế Phong.

13.3. Căn cứ để thực hiện kế hoạch

- Căn cứ vào diễn biến nền kinh tế trong năm qua và những dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm tiếp theo.
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm 2011 – 2013 ;
- Căn cứ vào định hướng đầu tư và phát triển của Công ty trong tương lai.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong.



Chúng tôi cho rằng mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty là hoàn toàn có thể thực hiện được vì các lý do sau:

- Nền kinh tế Việt Nam đang dần có dấu hiệu phục hồi.
- Ngành điện là một ngành then chốt cung cấp năng lượng phục vụ cho quá trình sản xuất và tiêu dùng, ngành điện là một trong những ngành quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân. Thị trường tiêu thụ điện năng hàng năm của Việt Nam liên tục tăng. Theo Quy hoạch điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020, có xét đến năm 2020, nhu cầu điện năm 2020 là 330 – 362 tỷ kWh, năm 2030 là 695 – 834 tỷ kWh. Trong những năm sắp tới nguồn cung cấp điện của đất nước không đủ bù đắp cho nhu cầu về điện của nền kinh tế.
- Xóa bỏ cơ chế độc quyền, giá điện dần được chuyển sang thực hiện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước, nhằm đảm bảo thu hồi được chi phí và có mức lợi nhuận hợp lý, giúp cho các doanh nghiệp ngành điện tự chủ được về tài chính.
- Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty, thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà công ty đưa ra là có tính khả thi và có thể đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

15. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Kể từ khi thành lập cho tới nay, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong không tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, mà chỉ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi có vấn đề phát sinh. Lý do là vì Công ty trong giai đoạn đầu tư xây dựng triển khai các Dự án Thủy điện đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty cam kết sau khi cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường upcom hàng năm Công ty sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

16. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN

Không có

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
3. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 18.583.100 cổ phần
4. Phương pháp tính giá:
5. Tính giá theo phương pháp giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2012 và tại thời điểm 31/12/2013

59
CỔ
CỔ
KHÓA
ÔNG
VIỆT
HI NH
H PHỐ
A -

Tại thời điểm 31/12/2012, giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu DTN (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu - cổ phiếu quỹ}} \\ &= \frac{143.276.067.428}{18.583.100} = 7.710 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

Tại thời điểm 31/12/2013, giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu DTN (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu - cổ phiếu quỹ}} \\ &= \frac{137.800.809.308}{18.583.100} = 7.415 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách bình quân} &= \frac{7.710 + 7.415}{2} \\ &= 7.563 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

Căn cứ vào giá trị sổ sách bình quân tại thời điểm 31/12/2012 và thời điểm 31/12/2013 là 7.563 đồng/cổ phần, Công ty dự kiến mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong là 7.500 đồng/cổ phần.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không ngăn cấm hay giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với cổ đông là người nước ngoài. Hiện tại, Cổ phiếu của Công ty chưa có người nước ngoài nắm giữ.

Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên các Sở giao dịch Chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung, người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật tại Quyết định số 55/2009/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam, theo đó tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết của một tổ chức đăng ký niêm yết trên các Sở giao dịch Chứng khoán.

7. Các loại thuế có liên quan

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong đang thuộc đối tượng điều chỉnh của các loại thuế sau:

Thuế GTGT:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế TNDN:

Theo Quy định hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay là 25%. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Các loại thuế khác:

Công ty kê khai và nộp theo các quy định hiện hành.

- Đối với nhà đầu tư, theo qui định trong Luật thuế Thu nhập cá nhân được Quốc hội khoá XII thông qua ngày 21/11/2007 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, nhà đầu tư sẽ phải chịu thuế từ cổ tức nhận được và từ thu nhập do chuyển nhượng chứng khoán. Mức thuế suất tương ứng cho mỗi loại là 5% và 0,1%.
- Nhà đầu tư là tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư

- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng * 0.1%



Tổ chức đăng ký giao dịch:
CTCP Thủy điện Quế Phong



Tổ chức tư vấn
P CK Thương mại & Công Nghiệp Việt Nam

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐKGD

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG (QPH)

Địa chỉ trụ sở chính: Khối 8, Thị trấn Kim Sơn, Huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383 885 709

Fax: 0383 885 215

Website: www.thuydienquephong.com.vn.

Email: thuydienquephong@yahoo.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 02 Bis Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 4, tòa nhà Hà Thành Plaza – 102 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35148766

Fax: (84-4) 35148768

Website: www.vics.vn.

Email: info@vics.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)

Địa chỉ trụ sở chính: P.3203, Tòa nhà 34T, Trung Hòa Nhân Chính, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 04 2221 2891

Fax: 04 2221 2892

Website: www.ifcvietnam.com.vn

Email: ifc@ifcvietnam.com.vn.

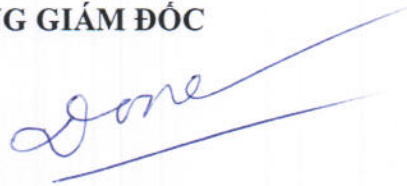
VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục 2:** Điều lệ Công ty
3. **Phụ lục 3:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, BCTC kiểm toán năm 2013
4. **Phụ lục 4:** Hợp đồng tư vấn

Quế Phong, ngày tháng năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đoàn Kim Đồng
Phụ trách phòng TCKT



Trần Thị Thúy

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Minh Cường

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Lê Minh Hùng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thái Hưng